



NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 20 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ, TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

Tản Đà qua nét vẽ của họa sĩ Nguyễn Hải Châu

TƯƠNG NIỆM TẢN ĐÀ

Ra đời năm 1888 tại làng Thượng Khê, huyện Bất Bạt, Sơn Tây, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã lìa đời 51 năm sau đó, vì bệnh viêm gan vào ngày 7/6/1939, sau khi đã để lại một sự nghiệp rực rỡ hào quang, trải qua một cuộc đời nhiều mất, sôi nổi và lán đần. Nguyễn Tuấn, sau lần chợt gặp người quá cố tại căn nhà số 71 Ngã Tư Sở, ngoài o Hanoi, đã viết rằng từ phút đó, thế là từ phút đó, Tao đàn mất một vị nguyên soái, và làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ.

Tản Đà trước sau là một thi sĩ, nhưng ông viết đủ loại văn, và làm rất nhiều báo. Về tiểu thuyết những cuốn được nhắc nhở là *Thề Non Nước*, *Giấc Mơ Con*. Văn nghị luận có *Tản Đà Tùng Văn*, *Tản Đà Văn Tập* và *Tản Đà Xuân Sắc*. Sách giáo khoa soạn được *Lên Sáu*, *Lên Tám*, *Quốc Sử Huân Môn*, *Đời Giương Trượng*, *Đàn bà Tàn*. Tuồng chèo có *Tây Thi*. Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai. Ông còn dịch thơ Đường. Kinh Thi

Đại Học, Liêu Trai, từng làm chủ bút báo Hữu Thanh và An Nam tạp chí, Thi Ca, sự nghiệp lấy lòng nhất của Tản Đà, gồm có *Khởi Hành Con*, và *Tản Đà Văn Vẹn* (4 quyển) Số này, kỷ niệm ngày giỗ thứ 31 của ông, Khởi Hành gửi tới bạn đọc một bức họa — qua tương tượng — của Họa Sĩ Nguyễn Hải Châu và bài viết của Cao Huy Khanh và Viên Linh.

BÀI VỞ CỦA

CAO HUY KHANH

VIÊN LINH

MAI THẢO

những con đường việt nam

THANH TÂM TUYẾN
âm bản

PHẠM CÔNG THIÊN
tôi vẫn còn sống, tôi vẫn còn nghĩ

56

thứ năm 4-6-70

À M B A N

THANH TÂM TUYỀN

21

Viết là đắm mình trong cuộc ly tan. Trong cuộc ấy anh hoàn toàn tự do quay múa, làm đủ mọi trò đều được. Anh thụ động, anh chủ động, anh mê mẩn, anh sáng suốt, anh làm bộ làm tịch phờ phang, anh giấu mặt thẹn thườn. Cũng thế thôi, như nhau.

Văn chương, chốn ấy nơi chia lìa phân tán, là tấm gương soi mặt, soi đủ thứ mặt anh muốn (thời đại, xã hội, lịch sử, cá nhân... và cả cái mặt đang được nâng niu : Hư Vô). Nhưng đó là tấm gương vỡ. Anh đừng quên đó là tấm gương vỡ.

22

Thụ động hay chủ động, mê mẩn hay sáng suốt, trước tiên viết chỉ là sự ghi chép. Anh ngồi lại một chỗ, tạm gác đời sống, ghi chép lại những gì đã sống qua. Không bao giờ anh viết được những gì đang ngộ nguỵ sinh thành nơi anh. Không bao giờ. Thơ có thể.

23

Giả thiết như anh viết được : tôi đang sống như thế này đây. Anh thấy gì ở đó ? Một thuật, chỉ là một thuật của văn chương.

Hãy coi như anh tin cậy thật sự vào những điều anh viết. Hãy coi như không có sự ly cách nào giữa anh và những chữ tuồn chảy dưới ngòi bút. Nhưng vẫn còn sự ly tán giữa những chữ, những câu, còn dấu phết, dấu chấm, dấu hỏi vãn vãn:

Quan trọng hơn cả là đôi mắt mở trừng của người xem những giòng chữ ấy.

24

Thơ là những cách sống, những lúc sống. Văn chương không thể là một cách sống.

25

Sự thất bại của những người làm thơ trong văn chương là làm tưởng văn chương cùng gốc với thơ. Trong thơ người ta sống, thở, phơi trải, bay nhảy, đùa rỡ, ca hát, ngông nghênh, cười cợt, nhập một và hòa tan mình. Người ta muốn văn chương cũng là chốn như vậy.

Văn chương khai chiến với thơ, lấn lướt thơ và muốn tiêu diệt thơ từ đây.

26

Thơ này ra, làm ra những nhịp thở, những phút sống ngay chính trong lúc đó. Văn chương không « làm » ra cái gì hết. Văn chương chỉ là sự ghi chép. Có chăng chỉ là những tín hiệu của một đời sống ở đâu ngoài những câu kệ tan nát. ▶

DƯƠNG TRỮ LA

THỜI SỰ nghe thuật

TUYÊN TẬP 15 NĂM THI VĂN VIỆT NAM

Hội Văn Thi Sĩ V.N; do nhà thơ Nguyễn Vỹ làm chủ tịch, sau phiên họp hôm chủ nhật trước tại chùa Phụng Sơn, Chợ Lớn, đã quyết định ra tác phẩm đầu — Tuyên Tập 15 năm Thi Văn V.N; trong nhà XB của Hội.

Hai nhà thơ Viên Linh và Trần Tuấn Kiệt đã được trao phó thực hiện cuốn sách vĩ đại này — nghe nói sẽ dày 5,6 trăm trang.

TÁC PHẨM MỚI CỦA LINH BẢO

Linh Bảo dạo sau này vắng bóng là vì bận dạy học bên nước bạn Đồng Minh, tuy vậy cũng không có nghĩa là xa lánh hẳn việc « viết lách ». Linh Bảo vẫn xuất hiện lại rải trên tạp chí Bách Khoa. Vừa rồi đã nhận tin là đã viết xong tác phẩm « Những cánh diều » và nhà xuất bản nào muốn in thì liên lạc với tác giả qua tòa soạn Bách Khoa. Sau « Tàu ngựa cũ » đến nay có hơi lâu rồi, người đọc cũng « khát » văn Linh Bảo lắm rồi, các nhà xuất bản nên « nhào vào ».

TẬP THƠ ĐIÊN CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN

Sau lễ Phật đản vừa qua 1 ngày, giới ham đọc sách chắc phải chú ý đến một tập thơ mang tựa là « Thơ điên... » (Thứ thiệt). Được biết tập thơ này do 7 nam nữ thi sĩ tại dưỡng trí viện Biên Hòa góp thành gồm : Thiên Quang, Thích Áo Giác, Hồng Đức Tâm, Lê Hoàng Thủy, Phan trần Từ Hương, Bùi Giáng và Nguyễn Ngu Í. Bìa và tranh cũng do một họa sĩ bệnh nhân của dưỡng trí viện : B.V.T. vẽ.

Tập thơ này do các bác sĩ Nguyễn tuần Anh, Tô Dương Hiệp, Trịnh văn Lang của bệnh viện thực hiện và KI GOB JÓ CỈ xuất bản. Giữa buổi chuyện gì cũng có thể điên đầu được này, đọc « Thơ điên... » (thứ thiệt) chắc sẽ đỡ điên phần nào. Phái nhỏ 200 ti một tập đồ nhen bà con... nhớ mang tiền theo, kéo người bán lại bảo mình điên.

« MƯA CHIỀU »...

ĐÃ ĐẾN RỒI

Trước đây K.H. có loan tin, nữ sĩ Xinh Trang sắp « trình làng » với tập truyện ngắn đầu tay : Mưa Chiều. Nay đã được thấy « Mưa Chiều » phát pho ở hàng sách và nhìn kỹ mới biết do nhà Chiêu Dương xuất bản.

Mùa này mà đọc « Mưa Chiều » thì đúng điệu quá rồi. Kể tác giả và nhà xuất bản khéo chọn thời gian đó chứ !

NHÀ CA ĐẠO

HOẠT ĐỘNG LẠI

Sau một thời gian tạm ngưng vì giấy in sách được xem như « giấy gói trà », nhà xuất bản ca dao lại hoạt động lại.

Nghe đầu, khởi đầu là tập thơ « Mặt trời và Dòng sông » của Phạm Nhuận, 1 tác phẩm « nhân sinh Quan » và thơ văn Trung hoa của « Lâm Ngữ Đường » do Nguyễn hiến Lê dịch, và « cây cải về trời » trường thiên tiểu thuyết của Sơn Nam.

Dường như năm 70 này trọng tâm của nhà ca dao là giới thiệu Văn học phi Châu và Da đen. Hai tác phẩm về Phi Châu và da đen là « Quê hương rời rã » của Chinua Achebe, một nhà văn lớn nổi tiếng của Văn học Ghana, do Nguyễn hiến Lê và Hoài Khanh dịch, cuốn thứ hai là « Lương tâm gào thét » của mục sư Martiu Luther King.

CHO ĐẾN KHI CHIỀU XUỐNG

« Cho đến khi chiều xuống » là tựa của trường thiên tiểu thuyết của nhà văn nữ Nguyễn thị Hoàng. Toàn bộ gồm 3 cuốn, mỗi cuốn sơ sơ có gần 400 trang. Còn nhớ năm trước đây Nguyễn Vũ « tung » ra « trường lực » trường thiên tiểu thuyết « Vòng tay lửa » đã ăn khách quá trời đất. « Anh làm luôn phát thứ hai với « Bi kịch vàng », cũng ngon lành. Chờ xem trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn thị Hoàng có lừng lẫy không ?

Có điều thời buổi này mà năm đọc cả bộ trường thiên mấy ngàn trang giấy in, chắc khó quá.

CUỘC THI VỀ THI CA VÀ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CỦA TRUNG TÂM VĂN BÚT

Trung Tâm Văn Bút Việt Nam năm nay tổ chức về hai bộ môn Thi ca và Nghiên cứu lịch sử, tiếp theo các cuộc thi về Truyện ngắn, Truyện dài phê bình Biên khảo và Phong sự được tổ chức trong những năm trước đây.

Theo TTVBVN sẽ có hai giải thưởng gồm một giải về thi ca và một về nghiên cứu Lịch sử, mỗi giải 30.000 đồng.

Tác phẩm dự thi về Thi ca gồm Tuyên tập Thi Ca, thi phẩm trường thiên hay truyện dài bằng thơ (kịch thơ sẽ gồm trong giải thưởng kịch khác) chưa từng xuất bản, « 7 tài nội dung cũng như hình thức đều hoàn toàn tự do. Về Nghiên cứu Lịch sử, bản thảo chưa từng in (có thể sửa tằm, nghiên cứu về một nhân vật, một sự kiện hay là một phong trào liên hệ đến lịch sử dân tộc), gồm từ 100 trang đánh máy trở lên trên khổ giấy 21x27 từ 32 đến 34 dòng.

Bài gửi dự thi phải gửi 5 bản, đánh máy, đề tên ông Nguyễn Văn Hinh, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, số 36/59 đường Cô Bắc (Saigon) ; trên 5 bản dự thi chỉ ghi một biệt hiệu chưa hề dùng, còn tên thực bìa hiệu quen dùng thì bỏ riêng vào phong bì dán kín gửi kèm.

Thời gian dự thi : Từ nay cho đến ngày 15-11-1970, kết quả sẽ được tuyên bố vào ngày 15-12-1970 và thành phần ban giám khảo sẽ được công bố sau.

CÂU THUYỀN PHÒNG TRANH
 Nghe rằng hôm hai họa sĩ Đinh Cường và Nguyễn Khai khai mạc phòng tranh đã xảy ra một chuyện khá ly kỳ hấp dẫn. Đó là việc hai ông bà nọ vào xem tranh và có ý định mua một bức vẽ treo trong nhà. Nhưng ông thì thích tranh của Đinh Cường bà thì thích tranh Nguyễn Khai. Hai ông bà cãi nhau chí chóe. Ban đầu còn cãi nhau về nghệ thuật, sau bà nổi hung khênh cho ông một cái bình hoa... Bão hai họa sĩ phải vội vàng chở ông vào bệnh viện.

Có người cho rằng vì hai họa sĩ Đinh Cường và Nguyễn Khai không coi nhau nên suy sảo... nhưng nghĩ ra thì không phải vậy, người xem tranh tranh luận nhau đến độ đó... là vì nghệ thuật đầy chóe.

NHẠC SĨ ĐỖ ĐÌNH PHƯƠNG ĐANG Ở ĐÂU ?

Số những người làm nghệ thuật bây giờ thính thoảng hay gặp những bất trắc không ngờ. Những người quá xấu số thì đã có Y Uyên đại diện, những người còn lận đận thì có Nguyễn Nghiệp Nhượng, Lâm Chương v.v... Nay lại nghe thêm tin một người lận đận nữa: Nhạc sĩ Đỗ Đình Phương, một tay Tây ban cầm, hiện đang ở một đơn vị chiến đấu xung kích tại Long Khánh.

Ước mong Tổng cục Chiến tranh Chính trị chú ý đến trường hợp của nhạc sĩ Đỗ Đình Phương cho anh ta đỡ khổ một phần nào trong đời áo trận...

ĐẠI HỘI NHẠC TRẺ 1970

Tại rạp Đại Nam ngày 14.6.70 tới đây sẽ có một chức một "Đại hội nhạc trẻ 1970", mà số tiền thu được sẽ giúp cho đồng bào Việt Kiều nạn nhân của Lon Nol, hiện đang về quê hương tị nạn. Nghe nói rằng sẽ có sự góp mặt của những tay cự phách trong làng nhạc như: Jog MacCel, Trường

Kỳ, Nam Lộc, v.v... và 15 ban nhạc nổi tiếng ở thủ đô.

Ngoài việc đi xem để làm nghĩa, khán giả còn được thưởng thức một cuộc thi tài về nghệ thuật, mà chắc chắn là phải vô cùng sôi nổi và hấp dẫn.



SÁCH NHẠC VIỆT NAM TẠI PARIS

Sau hơn mấy tháng làm việc của Phủ văn hóa, cuộc triển lãm sách và Nhạc Việt Nam tại Viện Pháp Việt, số 269, đường Saint Jacques (Paris) sẽ được khai mạc ngày 2-6 và bế mạc vào ngày 15.6.70.

Phái đoàn của Phủ văn hóa sẽ do Quốc vụ Khanh Mai thọ Tuyền lãnh đạo.

Được biết có 700 tác phẩm văn chương được chọn, do nhiều nhà xuất bản tên tuổi, nhiều nhà văn học giá trị do cung cấp. Ngoài ra còn có hàng trăm băng nhạc, đĩa hát, bản nhạc, tập nhạc tuyển đủ loại, đủ khuynh hướng.

Dịp này Phủ văn hóa cũng sẽ tổ chức nhiều buổi chiếu phim văn hóa giá trị về các môn văn nghệ trình diễn (hát bội, cải lương, thi kịch, thoại kịch) do Bộ Thông Tin thực hiện.

Nếu thuận tiện, cuộc triển lãm sẽ được thực hiện lưu động tại vài Trung tâm đại học địa phương.

HÁT CHO NGƯỜI RUỘT THỊT

Cuối tuần qua, một đêm ca nhạc được Đoàn Du Ca Tây ninh tổ chức ngay tại trại tạm cư Việt Kiều ở Tây ninh. Đêm hát mệnh danh "Hát cho người ruột thịt", qui tụ rất đông Du ca viên.

Hàng ngàn "người ruột thịt" vừa rời bỏ đất Miền đã quây quần hát theo, khóc theo và rồi phấn khởi hơn với những bài ca của Phạm Duy, Nguyễn hữu Nghĩa, Giang Châu, Trịnh công Sơn...

Đoàn Du Ca đã ngủ lại với đồng bào, và sáng hôm sau làm công tác dựng lều, đào mương, phát thuốc, hớt tóc v.v... (BN ghi)

ĐẶNG TRẦN HUÂN

BẢO TANZANIA CHÊ HOA HẬU THẾ GIỚI

Xứ Tanganyika, ở miền Đông Nam châu Phi là thuộc địa của Anh quốc. Sau khi dành được độc lập quốc gia này đổi tên là Tanzania. Từ khi Tanzania đặt dưới chế độ xã hội của Tổng Thống Julius Nyerere, mọi quyền tự do bị hạn chế, báo chí viết một chiều theo đường lối của chính quyền.

Tại Tanzania, mi ni duyp, tóc giả, thuốc xức tóc cũng như các thứ trang sức phụ nữ đều bị đã kích kịch liệt. Các cuộc thi hoa hậu bị pháp luật cấm chỉ coi đó là những vụ khai thác thịt người thiếu văn minh.

Thế mà lại thay mới đây chính phủ Tanzania bằng lòng cho hoa hậu thế giới - cô gái Úc Eva Reuber Staier - thăm viếng xứ này. Tuy vậy người đẹp đã không được đón tiếp nồng hậu như mong ước. Một

tờ báo thân chính phủ viết rằng: "Một xã hội mà hàng năm tổ chức những buổi họp công cộng rồi mang đàn bà ra phô diễn như một bày thú vật để rồi trao giải thưởng cho họ là một xã hội xa lạ với nền văn hiến và tinh thần đạo đức của chúng ta".

Báo chí kể cũng hơi nặng lời. Nhưng người đẹp cũng đành đá không vừa. Nàng nổi giận mĩa mai: "Nếu tôi không tới Tanzania thì cũng là một điều đáng tiếc. Tôi vẫn nghe nói xứ này là một xứ đẹp kỳ ảo với một vài loại thú vật đẹp".

Thật là vô quyết dây móng tay nhện.

Nhưng nghĩ cho cùng, báo chính phủ thì phải bênh vực quan điểm của nhà nước chứ. Và báo Tanzania thì phải bảo vệ nền văn hiến Tanzania.

Giờ lịch sử thế giới ta thấy người da đen châu Phi đã từng gieo rắc cái văn minh của họ tới nhiều xứ Tây phương như Anh, Mỹ. Pháp dưới hình thức bị bán làm nô lệ mà chỉ không nghe nói họ nói họ có được bán cho Úc Đại Lợi không?

HAI CUỐN SÁCH NÓI VỀ VỤ MỸ LAI

Vụ Mỹ Lai chưa kết thúc. Hiện tòa án Hoa kỳ chưa xử xong. Nhưng sách báo Mỹ nói về vụ này đã khá nhiều và sôi nổi.

Lại thêm hai cuốn sách mới được phát hành tại Hoa Kỳ nói về vụ Mỹ Lai. Cuốn thứ nhất mang tên Mỹ Lai 4 của Seymour M. Hersh dày 210 trang, giá 5.95 đôla do nhà Random house xuất bản. Cuốn thứ hai mang tên One morning in The War (Một sáng trong cuộc chiến) do Richard Hammer viết, dày 207 trang do nhà Coward-McCann xuất bản cũng bán 5.95 Mỹ kim.

Ký giả Seymour M. Hersh chính là người đã được trao giải thưởng Pulitzer về phóng sự quốc tế nhờ phanh phui vụ Mỹ Lai. Ông đã phải bay tới khoảng 50.000 dặm, tìm gặp những quân nhân Mỹ liên quan tới vụ Mỹ Lai để phỏng vấn họ, rồi nêu cả tên tuổi những nhân chứng này vào sách cho xác thực.

Theo Hersh, thì số nạn nhân chết trong vụ Mỹ Lai khoảng từ 450 tới 500 người. Còn Hammer, trong cuốn Một sáng trong cuộc chiến, nêu lên một giả thuyết cho vụ Mỹ Lai xảy ra chỉ vì một sự lầm lẫn khi xem bản đồ hành quân. Những binh sĩ thuộc đại đội Charlie đã bao vây tấn công một làng chỉ có toàn thường dân vô tội mà họ tưởng là một làng được báo cáo là có trung đội 48 V.C. trú đóng. Tuy vậy khi quân sĩ Mỹ đã không gặp sự kháng cự của địch, cũng vẫn bắn tứ hạt sen.

Nhưng chỉ có một giả thuyết đó thiết tưởng cũng không lợi gì cho trung úy Calley, người đang bị dư luận lên án chủ động vụ tàn sát ở Mỹ Lai và đang trong tình trạng chờ tòa tuyên án.

Bởi vì cả hai tác giả Seymour M. Hersh và Richard Hammer đều kể lại nhiều quân nhân trong đại đội Charlie nhất quyết nói rằng chính đại úy đại đội trưởng Medina đã ra lệnh cho họ giết tất cả những người mà họ gặp tại ấp Mỹ Lai. Có người nhận chính họ đã bắn giết.

Cả hai tác giả đều viết rằng những nhân chứng đã được trung úy Calley cho lệnh bắn tự do.

TỬ KẾU RA BÁO

Nhà thơ Tử Kếu vào 15-6 tới sẽ trở thành chủ báo. Báo TIN VIỆT do anh làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Đây sẽ là một tờ báo trào phúng lớn, với những cây bút trào phúng tên tuổi nhất thủ đô lúc này.

Tử Kếu lại là một thi sĩ, người ta hy vọng TIN VIỆT, báo của thi sĩ, sẽ là một tờ báo trào phúng tiên bộ, mang đến cho văn chương hài hước nước ta một cơn gió mới, nếu chẳng là dòng phong thì cũng sẽ không là gió độc.

Nhân dịp này, Tử Kếu tạm thời nghỉ viết cho KH để dốc lòng vào sự nghiệp mới. Cũng nhân dịp này, KH chúc bạn Tử Kếu, người đã cộng tác với KH liên tục một năm qua với những bài thơ hay nhất của anh, sẽ thành công lớn, như chưa bao giờ có.



SÁCH BÁO MỚI

TUẦN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT.— Chứng tích thời đại từ 1900 đến 1970 của thi sĩ Nguyễn Vỹ, do tác giả xb. Trọn bộ gồm 2 cuốn, mỗi cuốn dày 600 trang, giá 350 đ mỗi cuốn. Bìa in offset, trình bày mỹ thuật.

Tác phẩm mới nhất của nhà thơ Nguyễn Vỹ — từng được theo dõi không ngừng khi in từng kỳ trên tạp chí Phê Bình trước đây — là một bộ ký sự tiểu thuyết phong phú về tài liệu, rất cần ích cho những người muốn nhìn lại về Việt Nam nửa thế kỷ trước.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH TRONG LỊCH SỬ.— Biên khảo của Nguyễn Vỹ do Sống Mới xb dày 490 tr, giá 280 đ.

Cuộc đời 30 người đàn bà từ, Anastasia, Cléopâtre tới Sisii, Victoria, theo thứ tự ABC

SÁCH THIẾU NHI TRÙNG DƯƠNG.— Trùng Dương là nhà xb. Sách thiếu nhi của nhà văn Lưu Nghi, mới thành lập, cơ sở đặt tại 167 Hồng Thập Tự, Saigon.

Bốn cuốn vừa được phát hành là: — Chàng Trai Trường Sơn của Hoàng Thụ Đông.

— Dừng Sĩ Làng Bàng Sơn của Phong Sơn

— Bảy Bộ Xương Người của Lưu Nghi

— Ông Ba Móng của Hoàng Trúc Ly.

Mỗi cuốn 32 trang, bìa offset màu rất lộng lẫy, giá 20 đ. Tờ sách này còn được sự cộng tác của các nhà văn, nhà giáo tên tuổi như:

Thăm Thệ Hà, Bình Nguyên Lộc, Hoàng Trọng Miên, Sơn Nam, Minh Quân, Nguyễn văn Xuân, Phan Du, Lê Cao Phan, Minh Đăng Khánh v.v... Nhà văn Lưu Nghi cho biết, anh quyết tâm xây dựng một Tủ sách Thiếu Nhi lành mạnh, tiến bộ, hữu ích:

— hình thức: trình bày, minh họa, ấn loát thật đẹp.

— nội dung: giải trí có hướng dẫn, phản ánh những nét đạo lý cổ truyền của dân tộc, mở rộng tầm hiểu biết về con người, sự việc.

— văn pháp giản dị mà không tầm thường. Văn từ đúng đắn và đứng đắn. Chính tả rất chính xác.

KH trân trọng giới thiệu những công trình trên với bạn đọc.

Nhời Hành

TUẦN BÁO HỌC VĂN NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
 TRẦN VĂN TRỌNG
 Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN
 Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

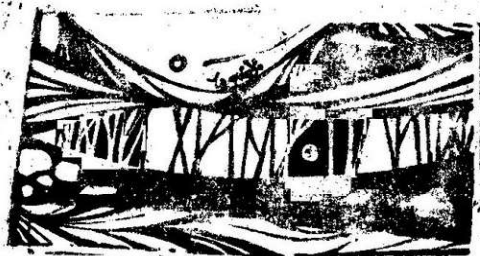
Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÓ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LÂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THÔNG • DƯƠNG TRƯỞNG LA

về
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên Thư ký Tòa soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Nhời Hành xin miễn phí cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu không có lời yêu cầu.



TÔI VẪN CÒN SỐNG, TÔI VẪN CÒN NGHĨ

MÀ T trắng vẫn là kẻ thù của tôi; mấy ngày nay, trắng tỏ rạng, tròn, hiền ngang trên đầu tôi, tôi như điên cuồng, máu của con cộp bị tử thương găm rỗng trong tôi, tôi cố gắng mỉm cười để sống. Hôm nay, trắng bắt đầu khuyết và hồn tôi bắt đầu vui tươi lại với châu hoa phong lữ thảo trong tim. Tôi đứng dựa vào cửa sổ, nhìn ra lòng trời mênh mông vô hạn trải dài ra như đại dương. Đời sống tôi chìm tận đáy lúc trắng hiện và bắt đầu vỗ cánh ca hát lại lúc trắng mất dần. Năm cũ đã vơi tàn với Nietzsche qua một vùng trắng chết và lạnh, tháng giêng năm 1882, tại Gênes, "tháng giêng đẹp nhất đời" (schönster Januarius!), như một ngọn gió lửa, đập vỡ băng giá của tâm hồn Nietzsche, xô đẩy tâm hồn chàng tuôn chảy sôi rạo ào ạt về vùng biển cả của con hoài vọng cao lớn nhất trong đời chàng. Nietzsche ngạc nhiên tự nói, với vợ tâm sự với ngày mới năm đầu: "Tôi vẫn còn sống, tôi vẫn còn nghĩ, noch lebe ich, noch denke ich: tôi vẫn phải còn sống, vì vậy tôi vẫn phải còn nghĩ: ich muss noch leben, denn ich muss noch denken".

"Tôi còn sống, tôi còn nghĩ", nhưng trong điệu nói của Nietzsche, tôi nghe như: "Thế mà tôi vẫn còn sống, thế mà tôi vẫn còn nghĩ" (noch..noch..) còn qua câu nói tiếp "tôi phải còn sống, vậy thì tôi phải còn nghĩ", nhưng trong điệu nói kín đáo của Nietzsche, tôi nghe như: "Dù gì đi nữa thế mà tôi vẫn phải sống, vì vậy dù gì đi nữa thế mà tôi vẫn phải nghĩ", (ich muss noch leben, denn ich muss noch denken). Đầu năm 1882, Nietzsche nói:

— Tôi còn sống, tôi còn nghĩ: tôi phải còn sống, vì vậy tôi phải còn nghĩ.

Câu trên dịch sát nghĩa câu nói tiếng Đức:

— Noch lebe ich, noch denke ich: ich muss noch leben, denn ich muss noch denken.

Nhưng tôi muốn hiểu câu nói của Nietzsche như vậy:

— Thế mà tôi vẫn còn sống đây à, thế mà tôi vẫn còn nghĩ đây à: dù sao đi nữa tôi vẫn phải sống, vì thế dù sao đi nữa tôi vẫn phải nghĩ.

Rồi Nietzsche đùa giỡn với Descartes, đảo lộn mọi sự lại và để cho sự sống đập đầu lên tư tưởng (Sum, ergo cogito: cogito, ergo sum). Dù gì đi nữa, dù cuộc sống có thế nào đi nữa thì tôi vẫn phải sống: đời sống tất nhiên là thế, đời sống bắt buộc là thế, tôi phải thấy sự tất nhiên ấy, sự bắt buộc ấy là đẹp, là thơ, mộng; Nietzsche nói: "Mình phải tập, càng lúc càng phải tập, mãi mãi tập nhìn thấy điều bắt buộc tất nhiên của sự đời là một cái gì đẹp đẽ" (Ich will immer mehr lernen, das Notwendige an den Dingen als das Schöne sehen). Điều không thể tránh được vẫn phải được nhìn như một điều tốt đẹp cho mình: tôi phải mãi mãi tập nhìn thấy như thế. Tại sao giờ phút này tôi ngồi đây viết những dòng chữ này? Tại sao mặt trăng đã tàn phá tâm thức tôi dữ dội như vậy trong những ngày gần đây? Tại sao tôi vẫn chưa làm được điều tôi muốn làm? Vì sao con sông đã chảy nước như vậy? Vì sao tôi phải chịu đựng đầy sống trong nỗi cô độc đau đớn càng lúc càng ăn nát đời tôi?



Điều bắt buộc, sự tất yếu, việc tất nhiên, những điều không thể tránh được, những điều cần thiết (das Notwendige) chính là cái Đẹp viết hoa (das Schöne). Pierre Klossowski dịch chữ này qua âm hưởng Platon: «le Beau en soi» (Je veux apprendre de plus en plus à considérer la nécessité dans les choses comme le Beau en soi). Chẳng những Descartes bị lật ngược mà cả Platon cũng bị lật ngược: cái đẹp (cái Đẹp) không ở trên cao kia mà nằm ngay trong nhà tù dưới này: phải từ điểm trang hoàng nhà tù ở đây: hoa phong lữ thảo trở nên đẹp nhất khi hoa nhen nhúm lập lờ trên vách tường đạn trở (Salvatore Quasimodo: «O mia dolce gazzella, io ti ricordo quel geranio acceso su un muro crivellato di mitraglia»: Hỡi con nai tơ dịu của ta, em hãy nhớ lại hoa phong lữ thảo nhen nhúm lập lờ trên vách tường đạn trở). Nietzsche tự nhận rằng mình thuộc hạng người vẫn luôn luôn làm đẹp sự vật, làm những sự vật trở nên tuyệt vời (so werde ich einer von denen sein, welche die Dinge schön machen). Tôi có thể làm buổi sáng hôm nay trở nên đẹp? Tôi có thể làm hoa phong lữ thảo của hàng

xóm trở thành hoa phong lữ thảo của thiên thu điểm ảo? Đẹp thì cái gì cũng đẹp, đứng cũng đẹp, ngồi cũng đẹp, nói cũng đẹp, im lặng cũng đẹp, cười cũng đẹp, uống nước cũng đẹp, đi tới cũng đẹp và đi lui cũng đẹp, vắng mặt cũng đẹp, có mặt cũng đẹp, đẹp, đẹp hết. Mặt trăng không còn tàn phá tôi nữa, hay có tàn phá đi nữa thì sự tàn phá này cũng đẹp, vì mặt trăng đẹp. Hoa phong lữ thảo không còn làm tôi cảm thấy bối rối rón ràng nữa, mà dù có bối rối rón ràng thì sự bối rối rón ràng cũng đẹp. "Như thế tôi sẽ trở thành một trong những người làm đẹp sự đời" (so werde ich einer von denen sein, welche die Dinge schön machen). Nghĩa là Nietzsche muốn nói: «Amor Fati: Yêu Thương Định Phận, từ đây tôi yêu thương định phận, từ đây trở đi đó là tình yêu của tôi» (Amor Fati: das sei von nun an meine Liebe!) Từ đây trở đi, Nietzsche chỉ muốn là «một kẻ nói tiếng ừ» đối với đời sống («ein Ja-sagender»); Nietzsche không còn muốn buộc tội, không còn muốn tố cáo gì nữa: "Tôi không muốn tố cáo nữa đâu, tôi cũng không tố cáo cả những kẻ tố cáo" (Ich will nicht anklagen, ich will nicht einmal die Ankläger anklagen). Nietzsche chấp nhận, chấp nhận hết tất cả, chấp nhận một cách «tích cực» hay dù có «tiêu cực» lắm đi nữa thì Nietzsche chỉ «quay mặt nhìn chỗ khác» (Weg-sehen sei meine einzige Verneinung!). Nietzsche không còn muốn gây hấn với điều xấu xa nữa (Ich will keinen Krieg gegen das Hässliche führen). Cuộc đời vốn bi đỗi, cuộc đời tất nhiên là bi đỗi, điều không thể tránh được là phải sống với điều bi đỗi. Phải yêu điều bi đỗi. Mọi đường đi đã bị chặn đứng. Người từ từ chỉ còn sống với châu hoa phong lữ thảo. Có một tiếng động gì ở trên cao, đèn đã tắt. Bóng tối. Tôi phải nói, tôi vẫn còn phải nói. Tiếng nói đầy dục tôi giữa một vùng trắng xa. Tất cả mặt trăng đều tàn bạo và tất cả mặt trời đều cay đắng, một người con trai chạy trốn trong sa mạc đã nói như thế, đã nói như thế trước khi chạy trốn vào những rừng cát Phi châu.



Từ hình, suốt đời phải chịu từ hình, vĩnh viễn phải chịu từ hình. Yêu thương sự từ hình. "Tôi không muốn tố cáo nữa, tôi cũng không tố cáo những kẻ tố cáo", người nói được câu này là người đã yêu thương được mặt trăng và nếm được mặt ngọt của mặt trời. Một câu định mệnh tôi đã tìm thấy ngày hôm nay trong một truyện của Samuel Beckett: Có những đóa hoa Phong Lữ Thảo nơi cửa sổ. Tôi cúi nghiêng xuống những đóa hoa phong lữ thảo suốt từ bao nhiêu năm nay» (Il y avait des géraniums aux fenêtres. Je me suis penché sur les géraniums, pendant des années) (l'Expulsé) Những câu định mệnh là những câu không thể tránh được, những câu đã kéo lôi đời sống mình về một định phận không thể tránh được. Buổi chiều mưa tới. Những cơn mưa định mệnh. Một buổi chiều đi dọc lên một con đường tĩnh Ville d'Avray thuộc vùng ngoại ô Paris, tình cờ tôi thoáng thấy một chậu hoa gì đó đỏ bay nhẹ trên cửa sổ một hotel, tôi quay lại hỏi người bán hoa sĩ về loại hoa đỏ đó ấy, anh cho biết đó là hoa geranium và mãi sau này trở về Việt Nam tôi mới biết geranium chính là phong lữ thảo. Chỉ nhìn thấy hoa phong lữ thảo một lần thôi mà không ngờ loại hoa ấy trở thành định mệnh của mình. Phải thương yêu định mệnh. Nietzsche và tháng giêng đẹp nhất trong đời, Amor Fati và phong lữ thảo, một con đường ngoại ô Paris và một quán cà phê ở Sài Gòn, buổi chiều mưa và giấc ngủ muộn, mặt trăng và đời sống, những câu văn định mệnh. Suốt đời tôi, tôi chỉ muốn viết được một câu gọi là câu định mệnh. Tôi vẫn còn yêu, tôi vẫn còn viết. Dù sao đi nữa tôi vẫn phải yêu, vì thế dù sao đi nữa tôi vẫn phải viết. Δ



Chúa Nhật 24.5.1970

O trong tiềm thức của tôi, ở trong tâm hồn của tôi, mỗi một thời gian khác nhau nào đó, sẽ vẫn lên xao xuyến lay động (như một điểm sáng vàng vọt của một ngọn nến tàn) một hình ảnh rất buồn. Hình ảnh ấy, ở trong cái trí nhớ mơ hồ của tôi, không bao giờ đậu cho đứng bóng, không bao giờ rõ nét được. Nó nhạt, nó nhẹ, nó thấp thoáng hơn một cái bóng nào nhỏ yếu nhất. Ấy là khuôn mặt đau đớn buồn thảm của Nguyễn Du; ấy là khuôn mặt đầy vẻ hoảng hốt của Nguyễn Gia Thiều; ấy là cái dáng thần thờ của Nguyễn Khắc Hiếu.

Cái dáng ấy hôm nay nổi lên như một đám mây trắng bồng bềnh trôi lơ lửng trong đầu tôi. Hôm nay tôi nhớ đến Tân Đà, người như mây nổi...

Năm 1960, khi còn đang dạy học tại một tỉnh lỵ ở miền Cao Nguyên Trung Phần, tôi mua được một cuốn sách cũ rất quý, cuốn sách đó nó làm tôi nhớ Tân Đà hết sức. Buổi chiều hôm ấy trời vừa tạnh cơn mưa dài — cơn mưa kéo liền 3 ngày bằng những trận lớn — tôi ra phố rong chơi bù cho mấy hôm trước.

Tới khu phố chợ, trước một rạp chớp bóng, tôi đứng lại mua một gói thuốc. Hồi đó tôi ưa hút Phenix. Khi cúi khom người để mua thuốc trên cây hương cầm nơi cái giá gấp của cô bé bán hàng thì tôi nhìn thấy cuốn sách đó, bày trên hè, trên một tấm vải nhựa. Tôi tình người cúi xuống cầm lấy. Đó là một cuốn tạp chí *Tao Đàn*, ngoài in hình Tân Đà. Số 9, ngày 1er juillet 1939, số đặc biệt kỷ niệm nhà thơ này, mới mất trước ngày số báo đó ra được 24, 25 hôm. Ngày đó là ngày 20 tháng tư năm Kỷ Mão, tức là ngày 7 tháng 6 dương lịch.

Hàng bán sách cũ này vẫn ngồi đây, mỗi lần đi đây, đi chơi tôi đều ghé qua nhưng chưa mua được ở đây một cuốn nào cả. Tôi cảm chắc phải mua cuốn này song chưa biết nên trả bao nhiêu, vì giá chính của nó nơi bìa là 25 xu. Tôi ghé lại khắp mặt hàng thấy một cuốn nữa có thể mua được, đó là cuốn *Sáng Tạo* số mùa xuân 1957. Tôi đưa cả 2 cuốn ra hỏi giá. Họ đòi 10 đồng. Tôi thích lắm, nhưng vì tính tôi không được rộng rãi nên tôi trả 7 đồng. Trả xong, ghé xuống khuôn mặt tươi cười của Tân Đà tôi bỗng thấy xốn xang trong lòng. Tôi nhìn người bán sách, ông ta gật đầu. Tôi lúng túng đưa ra một cái giấy hai trăm.

Hồi đó tôi mệt lắm nên mới phải đi dạy học ở một tỉnh lỵ, nhưng tôi cũng nghèo lắm. Buổi sáng viên giám đốc mới đưa cho tôi được một ngàn đồng, đơn vị lớn nhất mà người ta trích ra trả tôi sau bốn tháng làm việc. Tôi cầm tiền thói đứng lên, mắt ngó sang rạp ciné bên kia đường. Trên tấm panneau lớn dựng nơi cột đèn Đức Mẹ Maria ràn rụa nước mắt đứng ngó lên thánh giá, trên đó con bà đang phơi thân thể trước khi về trời. Tôi quay đi, hướng về tiệm cà phê Cao Nguyên, lòng bàng hoàng chợt nhớ đến người vợ chưa cưới ở Saigon. Tôi lầm bầm nói trong đôi môi khô ran: «Tôi cũng nghèo lắm. Tôi còn nghèo hơn ông nữa, ông ạ.»

Nั่ง trong tiệm uống, trong khói thuốc, trong tiếng nhạc bốc ra từ cái máy hát cũ mèm, tôi nâng lên cuốn sách lên ngang ngực để xem. Tôi lật ra một trang đầu: «Bây giờ đây, khi cái nắp quan tài đã dạy lại». Tôi tức cười vì lời hô hùng tráng như tiếng xuất quân ấy của tác giả *Tiểu Thu*, khi tiễn Nguyễn Khắc Hiếu về trời. Tôi đọc hết cuốn sách ở đó. Tôi yêu Tân Đà hơn trước nhiều. Và tôi yêu tất cả những ai nói về Tân Đà — chỉ trong những lúc nói về Tân Đà — lúc ấy họ dễ yêu hơn vì trong sáng hơn, vì thực hơn. Cái hào quang nơi Tân Đà tỏa ra trùm lên họ, lọt trần giữa một không gian biệt lập. Nơi này họ tràn ngập ánh sáng thiên sủng của ông, và họ rụi hết những che bọc bên ngoài. Những ai đã nói về Nguyễn Khắc Hiếu đều chịu những ánh sáng đó. Sau khi nói về ông thì hoặc họ nổi lên hoặc họ chìm xuống. Nổi lên vì

qua cái ánh sáng mặt trời đó họ tỏ mặt là người trung thật y như con người của họ hoặc chìm đi vì cũng qua cái ánh sáng mặt trời đó họ lộ mặt là kẻ che đậy và dốt nát. Vì thiên tài văn chương của Tân Đà là một ngọn hải đăng đứng chứng cho nền văn học đầy cuồng lưu của ta: vì khi huyết tâm thể của Tân Đà là một thứ thuốc thử vàng. Vì «...thằng cha này hẳn viết ra tư tưởng của hắn, chính hắn mới là tay sáng tạo.» (1)

Tôi có thể gọi Tân Đà là cụ, tôi có thể gọi cụ là ông, tôi có thể gọi ông là bác, tôi có thể gọi bác là anh, tôi có thể gọi anh là thằng cha này. Nhưng trước sau tôi thích gọi thằng cha này là hào kiệt. Tân Đà, giang hồ hào kiệt của tôi.

Năm 1951, khi mới bước chân lên năm đầu của bậc trung học; tôi yêu Quốc văn lắm. Nhưng hồi đó tôi chưa biết mua sách lấy để đọc — ngoài những sách giáo khoa. Bởi thế, trí óc tôi u tối đi nhiều lắm. Mẹ tôi kể lại rằng khi ông bác ngoại tôi — một tay Lý số Hà Lạc khét tiếng ở Nam Định chuyên môn chỉ chịu xem cho ai đã phục mình — khi lấy số cho tôi đã phải lắc đầu: — Hồng, cái thằng này học tới dạ lắm đấy. Cho nó học vài năm cho đọc được nhạt trình, viết được cái thư rồi kiếm nghề cho nó thôi.

MỘT NGƯỜI NGÀN NĂM THƠ THÂN



viên linh

Ấy, tuy nó tối dạ nhưng ngày sau chưa biết chừng vinh hiển ra phết.

Thế mà cái óc ngu tối của tôi lại quanh quẩn với những cuốn sách giáo khoa thì quả là tôi bất hạnh quá. Mẹ tôi phục tài đoán số của bác tôi lắm, ấy thế mà lần này bà cụ nhất định không tin và dù gia cảnh bần hàn vẫn chu cấp cho tôi đi học hết năm đệ nhị, lúc ấy cảnh nhà đã sa sút hơn nữa, khi đã vào Nam.

Những năm trung học tôi đã cay ghét «Tiền Điền tiền sinh», tôi đã cay ghét «Ôn Như Hầu tiền sinh», tôi đã cay ghét «thì bá ho Cao», tôi đã cay ghét «nhà thơ của núi Tân sông Đà» một cách lạ lùng.

Một tác phẩm dài như Đoạn Trường Tân Thanh trước sau tôi thuộc được sáu câu như vậy:

Trăm năm trong cõi người ta,

chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trăm năm trong cõi người ta,

chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trăm năm trong cõi người ta,

chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trăm năm trong cõi người ta,

chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trăm năm trong cõi người ta,

chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Ấy thế mà bảo tôi học là học thế decch nào được?

Mãi sau khi đi dạy tôi bắt buộc phải đọc Kim

Văn Kiều, phải đọc Cung Oán Ngâm khúc, phải đọc

Tân Đà. Và tôi hoảng kinh.

Từ đó tôi chỉ cho học trò dùng bản Kim Văn Kiều của Trần Trọng Kim. Cung Oán của Văn Bính Tôn Thất Lương v.v... và cấm dùng các sách giảng văn khác.

Bởi thế, ngắm lại, tôi phục tài đoán lý số của bác tôi vô kể. Cho tới khi đứng được một mình tôi mới nhận rõ mọi người xung quanh. Tôi mới nhận ra Tân Đà là ai. Tân Đà giang hồ hào kiệt của tôi.

Tân Đà sinh năm 1888 và mất năm 1939. Năm mười một năm đó sống ở đời, ông đã làm được gì?

Tân Đà nói:

«Con người ta ở đời, có hai thái độ đáng quý, một là làm thánh hiền, hai là làm hào kiệt. Nhưng đem so sánh thì làm hào kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc đời ấy mới là (2)»

Ông thích vậy. Thích cái thái độ ấy, thích làm hào kiệt, thích sống ào ạt. Tân Đà có sống như vậy được không, ai cũng dự biết.

Những người quá hâm mộ Tân Đà, một nghệ sĩ khác đời, đã luôn luôn tìm mọi cái và mọi cách để đề cao cái nghệ sĩ tính của ông lên. Trong công việc đề cao cái ngôi vị nghệ sĩ đó cho Tân Đà họ luôn thể gián tiếp đề cao họ và tự thỏa mãn cái nghệ sĩ tính của mình, và tự lấp liếm cái sự phóng khoáng mà vì thiếu can đảm họ đã không dám thực hiện cho mình. Và không thực hiện nổi cho mình.

Khi một người nói rằng: «tay ấy nghệ sĩ lắm!» thường về mặt người đó căng ra và hơi ngừng đầu cao hơn lúc thường. Ý người đó muốn nói: «ta cũng biết thế là nghệ sĩ tính đấy chứ?»

Những cái lắc đầu, những cái nhún vai, những lời chê, khen một nghệ sĩ nào của người khác chung qui đều hàm chứa một lời tự thú: «tôi chịu, tôi không sống thể được.» Thái độ đó luôn thể biểu lộ sự bất lực trong việc tìm hiểu và cảm thông kẻ khác.

Khi người ta nói rằng Tân Đà là thi sĩ của rượu và của mộng người ta đã nói với thái độ ấy. Và như thế người ta đã vác hàng vài ba chục thùng tổ nỏ rượu lậu và vài ba chục rổ bông bông để đổ ụp lên đầu lên cổ ông. Và người ta kêu toáng lên «chính hắn» đấy, thi sĩ của rượu và của mộng.

Sự thực, Tân Đà không phải như thế. Rượu như xưa của cụ ông thế ông vậy.

Ông mang tư tưởng tâm hồn mình ra để làm Triết Lý, để làm Đạo Đức.

Ông mang tài, tình cùng ngôn ngữ của mình ra để làm Văn Học, để làm Thi Ca.

Ông mang rượu, máu của ông ra để chung đúc những tài năng ấy và để làm những tác phẩm nghệ thuật. Những tác phẩm ấy là «Khởi Tình Con I», «Khởi Tình Con II», «Giác mộng Con», «Giác mộng lớn» v.v... và trong đó có một tác phẩm tự thân đó là Tân Đà.

Tân Đà buồn chán đời sống nhưng không dùng rượu làm phương tiện trục xuất cái buồn chán ấy, kiểu uống rượu tiêu sầu. Ông không uống rượu với ý nghĩ rằng uống để phá sầu, giải sầu, trục sầu, tiêu sầu gì ráo. Cái lối «uống rượu tiêu sầu» chỉ là cái lối hành động không có nguyên do, không có suy nghĩ, nghĩa là cái lối sống không có sáng tạo của mấy anh trí thức trên sách vở. Anh tưởng buồn, anh bèn khoác một bộ áo râu rí và một bộ mặt râu rí để uống rượu. Anh tưởng thế là anh đang làm một tác phẩm phong vận chán. Anh tưởng anh đang tạo một thái độ với cuộc đời.

Thực ra đó không phải là một thái độ nó xuất phát từ lòng anh, từ sự suy tưởng, nghĩa là từ sự Sáng tạo. Đó chỉ là một cuộc bắt chước dài suốt từ thế hệ này sang thế hệ kia. Đó chỉ là một hình thức có sẵn cho những ai buồn. Và anh thấy buồn nên anh chui vào đấy. Anh không kiếm ra (bằng suy

xem tiếp trang 14

(1) Phan Khôi, trong «Tôi với Tân Đà thi sĩ», *Tao Đàn* số 10, 16 juillet 1939.

(2) Nguyễn Tuân, trong «Chân rượu vinh biệt», *Tao Đàn* số 9.

**CUỘC NÓI CHUYỆN NÀY DIỄN RA TẠI
NEW YORK CITY VÀO ĐẦU NĂM 1956**

(tiếp theo kỳ trước và hết)

Tôi đánh điện : *MGM Studio, Culver City, California. William Faulkner.*

Cô điện tín viên trẻ tuổi hỏi : «Bức điện tín đầu, ông Faulkner ?» Tôi đáp : «Đó.» Cô ta nói : «Điều lệ có ghi rằng không thể gửi nó mà không có điện tín, ông phải nói một đôi lời.» Bởi thế tôi lật qua những mẫu điện tín của cô ta và tôi lựa xem tôi quên bức nào — một trong những bức điện tín chúc mừng sinh nhật thu thanh. Tôi gửi đi. Kế đó là một cú điện thoại xa từ phim trường gọi tới ra lệnh tôi đáp chuyến máy bay đầu tiên tới New Orleans, và trình diện trước Giám Đốc Browning. Tôi có thể đáp tàu hỏa ở Oxford và có mặt tại New Orleans tám giờ sau. Nhưng tôi tuân lời phim trường và tới Memphis, nơi có một chiếc phi cơ thỉnh thoảng bay tới New Orleans. Ba ngày sau có chuyến bay.

Tôi tới khách sạn ông Browning vào khoảng 6 giờ chiều và trình diện ông ta. Một cuộc vui tiếp diễn. Ông ta bảo tôi rằng ngủ một đêm cho thật ngon và sẵn sàng buổi quay sớm vào sáng mai. Tôi hỏi ông ta về cốt truyện. Ông ta nói : «Ồ, vâng. Tôi phòng đó và như vậy như vậy. Đó là nhà văn viết truyện phim. Ông ta sẽ nói với ông về cốt truyện.»

Tôi tới gian phòng đã được chỉ dẫn đó. Nhà văn viết truyện phim đang ngồi trong đó một mình. Tôi giới thiệu với ông ta tôi là ai và hỏi về cốt truyện. Ông ta nói : «Khi nào ông viết đối thoại tôi sẽ để cho ông xem cốt truyện. Tôi trở lại phòng Browning và kể cho ông ta nghe chuyện vừa xảy ra. Ông ta nói : «Trở lại và nói như vậy như vậy, đừng lo, ông rằng ngủ một đêm ngon lành để sáng mai chúng ta có thể thực hiện một buổi khởi quay sớm.»

Bởi thế sáng hôm sau, trong một chiếc tàu xà lúp thuê thật bảnh, tất cả chúng tôi, trừ nhà văn viết truyện phim, đi xuống Grand Isle, cách xa vào khoảng một trăm dặm, nơi ngoại cảnh được quay, tôi đó vào đúng giờ ăn trưa và có đủ thì giờ chạy hàng trăm dặm trở về New Orleans trước khi trời tối.

ĐÃ XUẤT BẢN

NGUYỄN VỸ

**TUẦN, CHÀNG TRAI
NƯỚC VIỆT**

Chứng tích thời đại từ 1900 đến 1970
Trọn bộ 2 cuốn — mỗi cuốn 350 \$

LÍNH ĐA TÌNH

LÍNH — YÊU LÍNH — NGƯỜI YÊU CỦA LÍNH

Tất cả đều phải tìm đọc ngay :

RỪNG ÁI ÂN

Quyền Tiếu Thuyết BỐC LỬA

của cây bút nữ đồ : HA HUYỀN CHI

... Những giòng chữ ngọt như mật, nở tung như trái phả, cay đắng như đạn viên đồng xoay trong tim... xót xa, cắn răng để không bật thành tiếng khóc, nhưng nước mắt vẫn chảy...

ĐÃ BÀY BÁN KHẮP NƠI TRÊN TOÀN QUỐC

Việc đó tiếp diễn trong ba tuần lễ. Thỉnh thoảng tôi hơi lo âu về truyện phim, nhưng Browning luôn luôn bảo : «Đừng lo. Ráng ngủ một đêm cho ngon lành để sáng mai chúng ta có thể thực hiện một buổi khởi quay sớm.»

Một buổi tối trong khi trở về tôi vừa bước vào phòng thì điện thoại reo. Browning gọi. Ông ta bảo tôi tới phòng ông ta ngay. Tôi tới. Ông ta có một bức điện tín viết : *Faulkner bị sa thải. MGM Studio.* «Đừng lo,» Browning bảo. «Tôi sẽ gọi như thể như thể ngay bây giờ đây và không những khiến hân không những viết tên ông vào sổ lương như cũ mà còn phải viết thư xin lỗi nữa.» Có tiếng gõ cửa. Có một bức điện tín khác. Bức điện tín này viết : «*Browning bị sa thải. MGM Studio.*» Bởi vậy tôi trở về nhà. Tôi đoán Browning cũng đi đầu đó. Tôi tưởng tượng nhà văn viết truyện phim hãy còn ngồi trong một căn phòng ở đâu đó với tám ngàn phiếu tuần năm chập trong tay. Họ không bao giờ hoàn thành cuốn phim cả. Nhưng họ xây dựng một làng câu tôm — một cái sân cao xây trên đầu cọc tròng dưới nước, trên có mái, tựa một cái cầu tàu. Phim trường có thể mua hàng chục cái như vậy với giá bốn mươi hay năm mươi dollar một cái. Nhưng thay vì làm vậy, họ xây một cái cầu tàu riêng của họ, một cái cầu tàu giả. Nghĩa là mọi cái sân cao với một

có một cách máy móc nào để thực hiện việc viết lách, cũng không có cách đi tắt nào hết. Nhà văn trẻ tuổi sẽ là một tên khùng nếu hân theo một lý thuyết nào. Tự dưng đổ mình bằng chính những lỗi lầm của mình ; người ta chỉ có thể học hỏi được bằng sự sai lầm. Nhà văn tài giỏi tin rằng không có một người nào đủ tài ba để khuyên nhủ bảo ban hân cả. Hân có lòng tự cao tự đại (cao ngạo) tuyệt đối. Bất kể hân ngưỡng mộ nhà văn tiền bối cách nào, hân cũng muốn hạ ông ta.

NPV : Vậy thì có lẽ ông khước từ hiệu lực của kỹ thuật ?

FAULKNER : Không bao giờ. Đôi khi kỹ thuật xen vào và dành quyền chỉ huy mộng mơ trước khi chính nhà văn có thể mô tả vào. Đó là *tour de force* (trò dụng lực) và tác phẩm hoàn tất chỉ là việc xếp gạch lại với nhau một cách ngăn nắp khéo léo mà thôi, bởi có thể nhà văn biết rõ từng chữ từ đầu tới cuối trước khi hạ chữ thứ nhất xuống. Việc đó xảy ra với cuốn *As I Lay Dying* Không phải dễ dàng. Cũng không phải là việc lương thiện nữa. Tất cả nguyên liệu đã sẵn sàng, có vậy thôi. Tôi mất sáu tuần lễ trong lúc rảnh rang vì một công việc chân tay khác nhọc mười hai giờ một ngày. Tôi chỉ việc tưởng tượng một nhóm người và bắt buộc họ đi vào những thiên tai, là lụt và hỏa hoạn.

W. FAULKNER, ÔNG VIẾT VĂN NHƯ THE NÀO ?

bức tường treo trên đó, để khi ta mở cửa và bước qua, người ta bước ngay tới biển. Ngày đầu tiên, khi họ xây, một ngư phủ người Cajun chèo chiếc thuyền độc mộc nhỏ hẹp làm bằng một thân cây rỗng tới. Hân ngồi trong đó suốt ngày dưới ánh mặt trời nắng như thiêu như đốt ngấm những người da trắng lạ lùng xây cái cầu tàu giả kỹ cục đó. Ngày hôm sau hân trở lại trong chiếc thuyền độc mộc với toàn gia đình, vợ hân đang bận nuôi con nhỏ, những đứa trẻ khác, và bà mẹ vợ, tất cả ngồi suốt ngày dưới ánh mặt trời thiêu đốt để ngắm công việc diễn rõ và khó hiểu kia. Hai ba năm sau ở New Orleans tôi còn nghe nói rằng dân Cajun hãy còn lữ lượm kéo đến để xem cái sân câu tôm giả mà bọn da trắng đã kéo tới xây rồi bỏ đó.

NPV : Ông nói rằng nhà văn phải thỏa hiệp trong khi làm việc cho điện ảnh. Hân viết lách ra sao ? Hân có bị bắt buộc chiều theo độc giả của hân không ?

FAULKNER : Sự bắt buộc của hân là làm sao thực hiện tác phẩm ở mức độ tốt đẹp nhất hân có thể làm ; bất cứ sự bắt buộc nào hân cũng bỏ qua tuốt để có thể viết theo cách nào hân thích. Chính tôi quá bận để quan tâm tới công chúng. Tôi không có thì giờ để tự hỏi ai đang đọc sách tôi. Tôi không bận tâm về ý kiến của John Doe về tác phẩm của tôi hay về tác phẩm của bất cứ người nào khác. Ý kiến của tôi là tiêu chuẩn người ta phải theo, khi tác phẩm khiến tôi cảm thấy thú vị như khi tôi đọc *La Tentation de Saint Antoine* hay *Cựu Ước*. Những tác phẩm đó khiến tôi cảm thấy thoải mái. Cũng như ngắm một con chim khiến tôi thoải mái vậy. Chắc ông cũng biết nếu tôi đầu thai, tôi muốn trở lại thành một con ó. Không ai ghét nó, đồ kỳ nó, thêm muốn nó hay cần nó cả. Nó không bao giờ bị quấy rầy hay gặp nguy hiểm và nó có thể ăn tất cả mọi thứ.

NGƯỜI PHÒNG VẤN : Ông dùng kỹ thuật nào để đạt tới tiêu chuẩn của ông ?

FAULKNER : Hãy để nhà văn lo giải phẫu hay lát gạch ngôi nếu hân quan tâm tới kỹ thuật. Không

với một duyên cớ đơn giản tự nhiên là vạch một chân trời cho sự tiến bộ của họ. Nhưng nếu kỹ thuật không can thiệp, thì việc viết lách lại dễ hơn theo một nghĩa khác. Bởi vì với tôi luôn luôn có một điểm trong sách nơi những nhân vật tự đứng lên, đảm trách và kết liễu công việc — nói qua về trang 275. Dĩ nhiên tôi không biết việc gì xảy ra nếu kết thúc cuốn sách ở trang 274. Đức tính một nghệ sĩ cần phải có là tính khách quan trong việc phán xét tác phẩm mình, cộng thêm sự lương thiện và can đảm không phỉnh gạt mình về điều đó. Vì không tác phẩm nào của tôi gặp chính những tiêu chuẩn của tôi, tôi phải phán xét nó trên căn bản của cuốn đã gây cho tôi nhiều đau buồn và thống khổ nhất, như thể bà mẹ yêu đứa con trở thành tròn cướp hay sát nhân hơn đứa con trở thành thầy tu.

NPV : Đó là tác phẩm nào vậy ?

FAULKNER : *The Sound and the Fury* (Âm thanh và Cường Nộ). Tôi viết năm bận khác nhau, cố gắng kể câu truyện, rút tôi khỏi giấc mộng chao chàn sẽ tiếp tục đây và tôi cho đến khi tôi thực hiện. Đó là tâm kịch của hai người đàn bà hư mất : Caddy và con nàng. Dilsey là một trong những nhân vật tôi ưa thích nhất, bởi nàng can trường, rộng lượng, dịu dàng và lương thiện. Nàng can trường, lương thiện, và rộng lượng hơn cả tôi nữa.

NPV : *Âm Thanh và Cường Nộ* khởi đầu như thế nào ?

FAULKNER : Nó khởi đầu bằng một hình ảnh tâm linh. Lúc đó tôi chưa nhận thức được rằng nó có tính chất biểu tượng. Hình ảnh đây là chỗ vấy bùn nơi quần một thiếu nữ trên một cây lê, nơi, qua một khuôn cửa sổ, cô bé có thể nhìn thấy nơi đang cử hành đám tang bà cô và kẻ cho các anh em đang đứng ở dưới đất phàng dưới nghe. Tôi lúc đó giải thích họ là ai, họ đang làm gì và quần cô bé bị vấy bùn ra sao, tôi thấy không thể gói ghém tất cả vào một truyện ngắn mà cầu phải một truyện dài mới được. Kế đó tôi ý thức được tính chất biểu tượng của cái quần dính đất, và hình ảnh này được thay thế bởi một thiếu nữ không

cha không mẹ trốn khỏi ngôi nhà duy nhất của cô ta, nơi cô bé chưa từng nhận được tình yêu, tương mến hay thông cảm.

Tôi đã bắt đầu kể truyện qua cặp mắt của một đứa trẻ ngây dại, bởi vì tôi cảm thấy rằng câu truyện sẽ gây hiệu lực nhiều hơn khi được kể bởi kẻ chỉ có thể hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng không hiểu tại sao. Tôi nhận thấy rằng lúc đó tôi chưa kể câu truyện. Tôi cố gắng kể lại lần nữa, cùng câu truyện ấy qua cặp mắt của một người anh em khác. Nhưng vẫn chưa hẳn là câu truyện đó. Tôi kể lần thứ ba qua cặp mắt người anh em thứ ba. Nhưng vẫn chưa hẳn là câu truyện đó. Tôi thử thêm góp tất cả lại và trám đầy những chỗ khiếm khuyết bằng cách biến mình thành phát ngôn nhân. Câu truyện vẫn chưa hoàn tất đầu mười lăm năm sau khi cuốn sách được ấn hành, khi tôi viết như một phụ lục cho một cuốn sách khác nỗ lực cuối cùng để câu truyện được kể và thoát khỏi tâm trí tôi, để tôi có thể an tâm đôi chút về nó. Đó là cuốn sách tôi âu yếm nhất. Tôi không thể để nó một mình, và tôi không bao giờ có thể nói thẳng nó ra nổi, đầu tôi cố gắng rất nhiều và còn muốn cố gắng thử lại nữa, đầu có thể tôi sẽ thất bại nữa.

NPV : Benjy khơi dậy nơi ông những xúc cảm nào ?

FAULKNER : Cảm xúc duy nhất tôi có thể có cho Benjy là phiền não và thương xót cho toàn thể nhân loại. Bạn không thể cảm tất cả cho Benjy bởi bản không cảm thấy gì cả. Điều duy nhất tôi cảm về cá nhân hẳn liên quan tới sự kiện hoặc hẳn đáng tin cậy hoặc tôi đã tạo ra hẳn. Hẳn là một khai trường ngữ, như kẻ đào huyệt trong kịch thời Elizabeth. Hẳn phục vụ mục đích hẳn và ra đi. Benjy không thể xấu hay tốt bởi hẳn không có chút ý niệm gì về tốt hay xấu cả.

NPV : Benjy có thể cảm thức tình yêu không ?

FAULKNER : Benjy không đủ lý tính dù để kỷ. Hẳn là một con vật. Hẳn nhận thức sự dịu dàng và tình yêu đầu hẳn không để gọi tên những danh cảm đó, và chính sự đe dọa sự dịu dàng và tình yêu khiến hẳn tru tréo lên khi hẳn cảm thấy sự thay đổi nơi Caddy. Hẳn không còn Caddy nữa; là một tên ngây ngốc, hẳn không ý thức ngay cả sự kiện chiếc váy Caddy. Hẳn chỉ cảm thấy có cái gì sai trật, để lại một khoảng trống rỗng trong đó hẳn buồn sầu. Hẳn cố gắng lấp đầy khoảng trống đó. Vật duy nhất hẳn có là một chiếc hài bỏ xỏ của Caddy. Chiếc hài là sự dịu dàng và tình yêu của hẳn mà hẳn không thể đặt tên, nhưng hẳn chỉ biết rằng nó thiếu vắng. Hẳn hẳn thủ bởi vì hẳn không thể phối trí và bởi vì hẳn thủ không có nghĩa lý gì với hẳn cả. Hẳn không thể phân biệt giữa sạch và bẩn hơn giữa thiện và ác. Chiếc hài mang lại cho hẳn để chịu đủ hẳn không còn nhớ chủ nhân cũ của nó, chút nào hơn hẳn có thể nhớ tại sao hẳn phiền não. Nếu Caddy tái hiện có thể hẳn không nhận ra nàng.

MỜI QUI BẠN ĐÓN COI
TRÊN KH NHỮNG SỐ TỚI :

THÀNH PHỐ BÂY GIỜ

ĐỀ TÀI CHUNG CỦA

TRẦN HOÀI THU • ĐẶNG ĐÌNH
TÔNG • PHAN NHỰ THỨC • LÊ
VĂN CHÍNH • TỪ KẾ TƯỜNG •
TỪ THẾ MỘNG...

• SAIGON • ĐÀ LẠT • PHAN THIẾT •
QUI NHƠN • PHAN RÍ • ĐÀ NẴNG...

DƯỚI MẮT NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI

NPV : Rằng thủy tiên trao cho Benjy có một ý nghĩa nào không ?

FAULKNER : Bông thủy tiên trao cho Benjy để giải khuây hẳn. Đó chỉ là một bông hoa hiện ra ở tầm tay vào rằm tháng Tư đó mà thôi. Không chủ ý.

(...)

N.P.V. : Sáng tác của ông cần cứ bao nhiêu trên kinh nghiệm cá nhân ?

FAULKNER : Tôi không thể nói điều đó. Tôi chưa hề cân nhắc. Bởi vì «bao nhiêu» không quan trọng. Một nhà văn cần ba điều : kinh nghiệm, quan sát và tưởng tượng, bất cứ hai yếu tố nào trong những yếu tố trên, đôi khi một yếu tố, có thể cung cấp sự thiếu hụt của những yếu tố khác. Với tôi, một câu truyện thường khởi đầu với một ý tưởng đơn độc hay kỷ niệm hoặc hình ảnh tâm linh. Việc viết câu truyện chỉ là vấn đề tiến lên trên giấy phút đó, giải thích tại sao nó xảy ra và nó gây ra chuyện gì tiếp theo. Một nhà văn cố gắng tạo ra những người có thể tin được trong những cảnh ngộ xúc động đáng tin bằng cách xúc động nhất hẳn có thể. Hiên nhiên hẳn phải dùng lần bang mà hẳn biết như một trong những dụng cụ của hẳn. Tôi có thể nói rằng âm nhạc là phương tiện dễ nhất trong đó để diễn tả, vì nó đến trước hết trong kinh nghiệm và lịch sử con người. Nhưng vì chữ nghĩa là tài năng của tôi, tôi phải cố gắng diễn tả một cách vụng về bằng chữ nghĩa cái mà âm nhạc thuần túy diễn tả khéo hơn. Nghĩa là, âm nhạc diễn tả khéo hơn và đơn giản hơn, nhưng tôi thích dùng chữ hơn, như tôi thích đọc hơn nghe. Tôi thích im lặng hơn âm thanh, và hình ảnh tạo ra bởi chữ nghĩa hiện ra trong im lặng. Nghĩa là sấm sét và âm nhạc của văn xuôi diễn ra trong im lặng.

NPV : Một số người nói họ không hiểu nổi tác phẩm của ông, đầu sau khi đọc đôi ba lần. Ông có cách nào dẫn khởi họ chăng ?

FAULKNER : Đọc bốn lần.

NPV : Ông đã kể kinh nghiệm, quan sát và tưởng tượng quan trọng đối với nhà văn. Ông có bao gồm cả cảm hứng ?

FAULKNER : Tôi không biết chút gì về cảm hứng bởi tôi không hiểu cảm hứng là gì cả — tôi có nghe nói về nó, nhưng tôi chưa nhìn thấy nó bao giờ.

NPV : Với tư thế một nhà văn ông nói rằng ông bị ám ảnh bởi sự bạo tàn.

FAULKNER : Cũng như thế nói người thợ mộc bị ám ảnh bởi cây búa. Sự tàn bạo chỉ là một dụng cụ của người thợ mộc. Cũng như người thợ mộc, nhà văn không thể xây dựng được nữa với một dụng cụ.

NPV : Ông có thể nói không khởi đầu văn nghiệp như thế nào không ?

FAULKNER : Tôi đang sống ở New Orleans, làm bất cứ công việc gì để thỉnh thoảng kiếm được chút tiền cơm. Tôi gặp Sherwood Anderson. Chúng tôi thường đi quanh thành phố vào buổi chiều và nói về người ta. Vào buổi tối chúng tôi có thể gặp lại nhau nữa và ngồi bên một hai chai trong khi ông ta nói và tôi lắng nghe. Trước ngọ không bao giờ tôi gặp ông ta. Ông khép kín, làm việc. Ngày hôm sau chúng tôi có thể gặp lại. Tôi quyết định rằng nếu đó là cuộc đời của một nhà văn thì việc trở thành nhà văn là việc của tôi. Thế là tôi bắt đầu viết cuốn sách đầu tiên của tôi. Lập tức tôi thấy rằng viết lách là một việc thú vị. Tôi không bao giờ quên được rằng tôi không gặp Ông Anderson trong ba tuần cho đến khi ông bước vào cửa phòng tôi, lần đầu tiên ông đến thăm tôi, và nói : «Có chuyện gì đấy ? Giận tôi à ?» Tôi nói với ông tôi đang viết một cuốn sách. Ông nói : «Chúa ơi !» và đi ra. Khi tôi viết xong cuốn sách — đó là cuốn *Lương Linh* (*Soldier's Pay*) — tôi gặp Bà Anderson ngoài phố. Bà hỏi tôi cuốn sách đi đến đâu rồi, và tôi trả lời tôi đã viết xong. Bà nói : «Sherwood nói rằng anh ấy sẽ thưởng lượng với ông. Nếu anh ấy không phải đọc bản thảo của ông,

JEAN STEIN PHỎNG VẤN, NGUYỄN HỮU HIỆU DỊCH



anh ấy sẽ nói với giám đốc nhà xuất bản của anh ấy chấp nhận.» Tôi nói : «Xong rồi (Done),» và tôi trở thành một nhà văn như vậy đó.

NPV : Những thứ công việc nào ông đã làm để «thỉnh thoảng kiếm chút tiền cơm» ?

FAULKNER : Bất cứ công việc nào gặp. Tôi có thể làm sơ sơ đủ nghề — lái thuyền, sơn cửa nhà, lái máy bay. Tôi không bao giờ cần nhiều tiền lắm bởi lúc đó đời sống ở New Orleans rẻ, và tất cả cái tôi cần là một chỗ để ngủ, một chút thực phẩm, thuốc lá và whisky. Có nhiều việc tôi có thể làm đôi ba ngày và kiếm đủ tiền để sống tới hết tháng. Bản chất tôi là một gã lang thang và lêu lổng. Tôi không cần tiền quá đáng đến độ phải đi làm tiền. Theo ý tôi thật là diu nhục nhã khi có quá nhiều công việc ở trên đời. Một trong những điều buồn nhất là điều duy nhất một người có thể làm tám tiếng đồng hồ một ngày, ngày nọ kế tiếp ngày kia, lại là công việc. Ta không thể ăn tám tiếng đồng hồ một ngày cũng không thể uống tám tiếng đồng hồ một ngày cũng chẳng thể làm gì tính tám tiếng đồng hồ — tất cả việc ta có thể làm tám tiếng đồng hồ là công việc. Đó là lý do tại sao con người tự khiến mình và tất cả những người khác khôn khổ và bất hạnh đến thế.

NPV : Ông cảm thấy chịu ơn Sherwood Anderson, nhưng ông coi ông ta như thế nào với tư cách một nhà văn ?

FAULKNER : Ông ấy là cha của thế hệ nhà văn Hoa Kỳ thời đại tôi và truyền thống văn chương Hoa Kỳ mà những kẻ hậu bối chúng tôi sẽ tiếp nối. Ông chưa bao giờ nhận được sự thẩm định xứng tằng của ông. Dreiser là anh ông và Mark Twain là cha của cả hai.

NPL : Còn những nhà văn Âu châu thời đại đó thì sao ?

FAULKNER : Hai vĩ nhân thời đại của tôi là Mann và Joyce. Ông phải đi vào *Ulysses* của Joyce như nhà thuyết giáo Baptist vô học đi vào Cựu Ước : với đức tin.

(...)

NPV : Ông có đọc những nhà văn đồng thời với ông không ?

FAULKNER : Không, những cuốn sách tôi đọc là những cuốn tôi biết và yêu đầu khi tôi còn trẻ và trở lại như khi ta trở lại thăm bạn cố tri : Cựu Ước, Dickens, Conrad, Cervantes—*Don Quixote*. Tôi đọc mỗi năm, như một số người đọc kinh Thánh. xem tiếp trang 10

Khôn hỏi đào nguyên đầu tá

Khôn hỏi đào nguyên đầu tá ?

VƯỢT qua bên kia những câu thơ người ta thử dò hỏi đầu là kinh nghiệm của Tân Đà về cái nơi chốn ấy, chốn đào nguyên, Là đào rơi rắc lối thiên thai. Đây không phải là người thi sĩ đầu tiên đã nói về thiên thai nhưng hình như đây là người thi sĩ đã mơ về đào nguyên sớm nhất trong cuộc đời một người và vẫn canh cánh mang một nỗi lòng đào nguyên cho đến chết. Đó có phải là cái ngày thật tuổi trẻ mà Đỗ thị Ai Khanh đã vội bỏ ta để đi lấy chồng ? Người bắt đầu lên đường về đào nguyên, con đường nào, phải rồi (như anh đã hỏi) con đường nào lên thiên thai ? Khách trần lối ấy đi về những ai ? (Trông giăng cảm tưởng). Không thể không tưởng tượng thấy những đám bụi hồng tự thiên cổ trăm trăm trên lối đi đó, trên lối đi chỉ có một mình người lơ đãng (ôi hồng trần hồng trần — Đỗ thị Hồng Trần ?). Dù ở hay đi người cũng chỉ có một mình, đang trên đường hay dấu cho đã đến nơi người vẫn mãi mãi chỉ gặp một dạng người đã cũ trăm năm, Năm nay anh vẫn thế này, Sang năm anh lại như ngày nam xưa. Là ai ở đây trong chén rượu đêm trừ tịch khi chỉ Hông đã bỏ đi ngoại tình vĩnh viễn ? Là ai ? Bóng ời mời bóng vào nhà. Ngọn đèn kêu tỏ đối ta cùng ngồi (Nói chuyện với bóng). Bóng và tôi đồng hành: người đồng hành nào ở đây ? (H.P.A) Tại sao không thể gọi đây là người thi sĩ liên lạc địa (như Blaise Cendrars), đúng hơn là một thi sĩ của những con đường ba miền Việt Nam, một thi sĩ rất đậm trường lối thứ. Những câu hỏi lần thần nhất: tại sao người ta ít khi có thể hình dung được một Tân Đà thật trẻ tuổi trong thời xuân sắc?, bởi vì ông đã từng mang áo nhiều tam giang đầu đội khăn đóng hay vì ông đã bỏ bút lông để dùng bút mực ? Tại sao một người uống rượu nhiều đến thế mà mặt mày lúc nào coi bộ vẫn có vẻ tươi tỉnh ? Và điều thơ cưỡi cọt chẳng giống ai, cái phong thái đông phương rất tiêu dao nhưng cũng rất đậm ám, một âm điệu phóng lãng khó lòng giải nghĩa lại được, một kiểu khôi hài thật khó chịu, cũng như cái ý vị mỉa mai đạo lý cay đắng, như thể đẩy người đọc mãi mãi không bao giờ định nghĩa được Tân Đà trọn vẹn. Suốt một đời người ông đã làm gì với từng ấy sự thất bại (tình ái, công danh, sự nghiệp) ? Có một chữ dùng được áp dụng thường xuyên đối với tiểu sử các nhà Nho xưa: Jôn ba chí lớn. Đừng quên Tân Đà cũng là một trong những nhà Nho cuối cùng, một tiên sinh trong buổi giao thời âm đạm với mở chữ nghĩa tiêu điều. Với đời mình, quả thực Tân Đà đã bốn ba lần dậm trên đường, không yên nghĩ. Bốn ba, tự nó cái ngữ âm đó đã nói lên một điều: cái rất buồn bã rất tang thương, Xa mấy dặm ngàn đầu, nghe nhận sâu thẳm sâu (Năm canh một mối tình). Cái dậm trường đào nguyên có biết bao nhiêu điều thực khó nói, giải bày mãi mãi thì thiên tài cũng chỉ ai có qua câu cầu mới hay có phải ?, Trông non xanh anh ơi ! xanh ngắt một màu. Chim kêu vườn hát, huê rêu rồi là lại bay (Kịch chào thiên thai). Người có tới được thiên thai chăng, người có thấy được bông lai không, người có nghe ra những tiếng đào nguyên ? Tân Đà say và Tân Đà mộng là những câu trả lời không cùng nhất. Và như mọi người đều biết hình như có lần thi sĩ cũng đã nói đến chuyện già từ, Nửa năm tiên, nửa năm trần ai, ước cũ duyên thừa có thể thôi. Người lữ khách đã trở về, cổ hương tha hương, cổ quận cổ nhân và cổ tình đó là những chữ có ma lực giết người từng ngày một không người. Cũng như nào ai có ngờ đâu một chút khói sóng nào cũng đủ sức đem sầu đày người đến chết: «Yên ba sầu sát nhân» — sầu sát nhân, sát nhân (Bách Cư Di) Người ta kể trên hai mươi năm trời giống ruồi thì sĩ mới trở lại quê nhà và trong quê nhà đó giờ đây hình như cõi không đã lạnh tanh, người cũ vẫn mờ mờ, chỉ có một con chim bay qua chấp chờn hay... 16. Hồn rưng xuống âm thầm, đó là tình cảnh



TÂN ĐÀ

KINH NGHIỆM

ĐÀO NGUYÊN

cao huy khanh

mùa thu đã vàng hết tâm sự một người về, Lạnh lẽo hơi thu chiếc lá bay, Gió đưa người cũ lại về đây (Về quê nhà cảm tác). Thôi rồi Lưu Nguyễn làm sao gởi tình theo con chim hồng đã bay bằng phương trời biệt dạng, làm sao vẫn hỏi lại được những năm tháng tôi vẫn sống nhưng tôi chẳng thấy cái đó (có phải là đời sống ở đó không ?), làm sao từ biệt được với con say trời đất cũng lần quay ? Thôi ngất tạnh rồi ảo mộng và cũng là lúc ảo mộng tái diễn liên miên. Trong một thời gian vĩnh cửu làm mờ mờ thế giới, Kim tịch thị hà tịch ? Kim tịch thị hà tịch. Và trong một không gian không còn chấp nhận cho những dấu rêu phong cũ muốn tỏ chút lòng ăn năn. Nhật mộ hương quan hà xứ thị. Yên ba giang thượng xử nhân sầu, Quê hương khuất bóng hoàng hôn, Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai (1) (Hoàng Hạc lâu) Người về từ đào nguyên hết nhiên là một người đã trở thành bơ vơ tự thừa nào. Thiên thai là nơi có chỗ để đến nhưng trần ai thì hình như lại dèch chỗ để về... để về lại và tiếp tục sống lại yên ổn, làm lại một cuộc đời bình thường với tư cách một người bình thường. Đó là giây phút sự bất định tràn lan khắp mặt mày khắp nhân gian, sự bất định chảy suốt châu thân, ám ảnh vũ trụ, miên mang định mệnh (sờ vào đầu cũng thấy toàn những bất định) từ con mắt nhìn ra khoảng không đã bật dạng đầu người, Hông bay bốn bề nhận về nơi nao (Éch mà) cho đến mái tóc chưa một lần hoá nghi dĩ vãng, Nào những ai kẻ vàng tình mộng tóc bạc thương thân (Cảm thu, tiễn thu).

Hành trình về thiên thai thì đã rõ nhưng còn đó món nợ muôn đời kia với đào nguyên với trần ai làm sao trả dạng ? Già từ phải đầu là vĩnh quyết và nếu người ta không nhằm thì trong lần tổng biệt trên đầu non xanh trước cửa động đó hình như đã có một nàng tiên đi theo tiễn chân thi sĩ, nàng tên là gì. Giáng Hương, Giáng Tiên, Quỳnh Thụ hay chỉ là Ai Khanh ? Và thi sĩ, có hẹn không trong một giây phút nào chạnh lòng, hẹn với rừng hoa đào nở triển miên đó (Và bên kia rừng hoa đào có một trái tim) một ngày sẽ lại về quê cùng nàng. Về quê, hãy hiểu đó như một ngữ âm hàm hồ và bát ngát vì lẽ có ai biết được ai sẽ hạnh phúc hay tuyệt vọng trong một giờ hương nào và thực là ngày thơ nếu muốn hỏi ở đâu, những quê hương của những thi sĩ.

Lá sen tàn tạ trong đầm

Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa

(Cảm thu, tiễn thu).

CÓ nhiều người đã tình nguyện bỏ ra cả một đời mình để khóc hoa. Nguyễn Huy Hồ thì khóc cho hoa mai, còn người nào thì khóc cho hoa đào ? (Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông). Đào Tiềm định nghĩa đào nguyên là cái nguồn lạc đưa

vào một rừng hoa đào nở bát ngát cùng khấn một đất (2). Người tình nhân quê mùa xưa kia chỉ vì trót muốn bước chân vào một vườn hoa nên đã tưởng chừng như mình sắp lạc lối (Vườn hồng đã có ai vào hay chưa) vì cái tình nó làm chàng làm lạ bởi hoàn ca, còn ở đây hơn cả một vườn hoa chúng ta có cả một rừng hoa trọn vẹn (thật đáng sợ) và có cả một thi sĩ vốn cũng rất nổi tình (thật nguy hiểm), thêm vào đó là một tâm sự bị thương lâu ngày cũng bởi chung vì tình mà không sao nói được ra lời (cuối cùng thành thơ, đó là thơ), «Ngày tháng như trôi, mây rêu đáng chán. Mỗi những lúc đêm quạnh đèn xanh, chiều thu lá đỏ, nghĩ nhớ đến ai ai trong bốn bề, nỗi u sầu khôn tả nên thơ» (Gửi người tri âm). Cho nên Tân Đà cũng là một người thường xuyên khóc hoa. Mà hoa nào ở đây ? Những kiếp hoa huy những đời hoa ? Âm thầm khóc hoa. — Lệ khóc không rơi ngoài hồn (TTT). Trước hết là sự lặng lẽ của những lúc năm canh hồn tà lú lẫn theo cùng tiếng đàn nhịp phách ít nhiều trần trụi (mẹ bỏ nhà đi hát, em là Trang thì đã Thúy kiều), sau nữa là một nỗi hận vong quốc mờ phai thân thể (từ đó, những câu thơ giáo khoa, những câu thơ ái quốc ai nhỏ si ai hàng thần), làm sao để tiên sinh khỏi mang một mối sầu đời không yên người (là đó), «Tò độ sâu đến nay, ngày nào cũng có lúc sầu. Mưa dầm là rụng mà sâu, đem thơ văn ngâm vịnh mà sầu...» Sinh ra và lớn lên ít nhiều kẻ cận kề hất, Tân Đà cũng lỡ nặng mang một nỗi lòng xướng ca u hoài (Có người ca sĩ đã nói: tôi hát cho nhiều người nghe, hát một đời làm cho một người nghe và nhiều khi chỉ hát cho một mình mình nghe, tôi sẽ hát như vậy cho đến chết), đó cũng là một người của xóm yêu hoa và điều không tránh được là đời khi tâm sự của thi sĩ cũng thế như là một tâm sự bình khang rất điều trác. Hãy nhớ đến những giọt nước mắt kỷ nữ erun mờ thấy sông trời của Xuân Diệu để hiểu rằng đó là những người cần có thiên thai hơn cả, những người không thể thiếu thôn ảo mộng trên tiên, những người gần gũi với đào nguyên trước nhất.

PHƯƠNG Đông có sẵn những móc xích để nối lại những gì buộc phải phân ly. Tân Đà ở thượng giới hay Tân Đà ở dưới thế, Tân Đà mộng hay Tân Đà thực, kẻ đã rời khỏi thiên thai hay người tìm về đào nguyên cũng thế thôi. Người đi rồi người lại về, có lúc hồn ở đây nhưng cũng có lúc trái tim lại mê mãi rong chơi nơi chốn lạc. Nguyễn Khắc Hiếu bỏ đời rồi Ng.Kh. Hiếu lại xuống trần, sống không một tiền thân là sống không âm nhạc, Hồn có xu nghệ mảy mẩy uổng đàn (Thúy Kiều hầu rước). Tiên sinh là một tay chơi lão luyện, có lẽ tiên sinh có đến một nghìn lẻ một cách chơi ở đời, đặc biệt nhất có một cách mà tiên sinh gọi là «chơi hư, chơi đại» như «Ngồi buồn rửa vớ đi chơi. Vớ rằng

chờ "hết mà trời đánh cho" chẳng hạn. Kể ra một cuộc đời mà cứ năm bảy ngày lại "chơi hư" như thế một lần thật cũng rất cảm khái. Nhưng có hay không có những nỗi hạnh phúc chưa xót nào trong cái trò chơi quanh quẩn hoang đường đó và thực sự thì si có được một vòng hoa nào để an ủi mình một thân lẻ bóng trong cuộc phiêu lưu đâm hoa thẹn nguyệt đó chăng? Kìa kìa Những ai thiên cò đi về những đò (Đò đáng chán). Cứ như thế Tân Đà suốt đời cứ đi đi về về mãi mãi trên những đường lối cũ bằng lái đó mà chẳng được một phút nào thấy yên tâm. Cứ tạm gọi đó là một thứ biện chứng đảo nguyên cũng được bởi vì gốc tích của thi sĩ là một gốc tích không chừng định, dòng dõi của thi sĩ cũng là một dòng dõi bất an, cho đến năm mỗ của thi sĩ xin cũng đừng vội vàng mà định nghĩa nó.

Đừng bao giờ hỏi những kẻ đang hành trình về đảo nguyên rằng các người sẽ đi về đâu bởi vì cũng như một nhân vật của H.Hesse họ sẽ trả lời: đừng hỏi tôi sẽ đi về đâu, tôi cũng không cần biết tôi sẽ đi về đâu, tôi chỉ biết là tôi đang đi trên đường, thế thôi,

NGƯỜI ngư phủ của Đảo Tiềm đã trở về và từ đó huyền thoại khỏi sự Y đã ngồi kể lại cái trí nhớ của mình hay y đã đem đi cống hiến nó cho người đời (trong đó có tác giả), từ đó trí nhớ thành ra một thứ trang sức quá đỗi nguy thường điểm trang thêm trên dung nhan điểm lệ những đoá hoa đào nào đã có một lần nở bừng ra như giấc mộng. Trí nhớ vẫn còn đó, những dấu xưa cũng còn kể lại, kỷ niệm chưa phai nhưng quá lạ thiên thai đâu rồi mà đảo nguyên cũ hình như đã biến mất khỏi nhân gian. Đã có một sự mất nguồn (không phải là lạc nguồn) đã xảy ra ở đây. Bất khả trở về nguồn, tại sao? Hình như câu trả lời vượt qua bên kia những điều gì có thể hiểu được vì trí nhớ là tội lỗi cuối cùng đưa con người đến sát bờ đảo nguyên và chặn đứng nó lại nơi đó vĩnh viễn. Trí nhớ, kẻ tội đồ phân bội ở sau lưng giới hạn. Và trí nhớ, sự nhiệm độc dị dạng rất có hại cho tương lai. Bởi thế đừng trách thi sĩ say và mộng liên miên bất kể, say và mộng như điên. Những câu thơ đã làm là những trí nhớ đã xong và còn cả muôn vạn câu thơ khác sẽ làm là những trí nhớ xin bắt đầu hết lòng bỏ quên. Thi sĩ, những người luôn luôn tìm cách đánh mất trí nhớ mình từng giây từng phút trong đời bằng đủ mọi khả thể. Và phải chăng làm thơ cũng là một cách đồng hóa ảo mộng, ám sát thế giới không ngưng nghỉ hay như một cách đội lớp ma mà sống. «Cái thú đêm thanh như cả thế giới chết mà có một mình mình sống» (Nhân tưởng).

Muốn xuống địa ngục người ta bắt buộc phải xuống tắm dưới dòng Lethé để làm quên đi một kỷ ức thường đọc được, muốn về đảo nguyên người ta cũng nên bỏ qua cái trí nhớ rất vội vàng thương tâm của mình.

THỨ đời một cách nói khác để nói về đảo nguyên, thí dụ như: «Bước tới đảo nguyên bóng xế tà». Đã có một sự sai lầm, một sự lệch lạc trong câu thơ này? (đảo nguyên hay đảo ngang, B.H.T.Q. hay ai?). Cũng một ám hiệu lạ người đời, cũng một hơi thở âm thầm đó, một chút sâu vương vương dấu đó nhưng ở đây đã có một sự đổi thay, một lạ mặt, một chuyển ý hay một phản ý, một sự vô duyên hay một sự khó chịu nào đó, một thể cách khác hay một vô thức mới hay có một sự nguy kịch nào không? Điều gì có thể cho phép người ta đồng hóa chỉ định hay đóng khuôn hay tổ cáo một chữ này với một chữ khác? Chung quanh câu thơ đó có cái gì đã chết, đã thực sự mất tích và cái gì còn lại, còn lại mãi mãi? Còn lại là câu thơ,

là những câu thơ (còn những bài thơ thì sao? Bài thơ, một chữ dùng hình như quá dễ dãi). Nếu tạm chấp nhận cái tạm gọi là «trò đùa trên những chữ» (3) này thì người ta có thể đi đến chỗ đưa ra câu hỏi này được không: trong một giây phút nhập thần và xuất thần nào đó có thể có ẩn hiện mông lung một cái đảo nguyên nào không nơi đảo Ngang? Và đảo nguyên, đó là đảo nguyên nào? Làm thế nào để có quyền nói về điều đó được? Làm thế nào để đến gần với đảo nguyên, những đảo nguyên này? Mỗi thi sĩ đều có một cách thể rất riêng tư để nói về những điều đó. Người đọc không vì thế mà có quyền buộc tội thi sĩ và cũng nói về những điều đó người đọc lại càng không có quyền buộc tội người đọc. Với Tân Đà đây là một trong những cách nơi thâm kín nhất của ông: «Lúc muốn nói không được nói, không muốn nói mà phải nói, cho nên cũng mội phần son, lòng hoa nguyệt mà ruột tâm đã thất như ngày chưa uơm» (Giấc mộng con).

Chính bởi vì ở đây và ở mọi nơi khác đảo nguyên là dấu mặt tâm của từng người.

Khôn hỏi đảo nguyên đâu tá

Khôn hỏi đảo nguyên đâu tá?

ĐÓ là những câu đảo nguyên, những câu hỏi về đảo nguyên. Tại sao có những câu hỏi đó ở đây? Tân Đà là một người có kinh nghiệm về đảo nguyên. Tân Đà đã biết là có một đảo nguyên bởi vì hơn cả việc mơ tưởng về đảo nguyên Tân Đà là người đã từng có một lần và nhiều lần đưa chân bước tới đảo nguyên. Ông là một thi sĩ: sống không ngừng nuôi cảm hứng là làm thơ và nói một cách nào đó thì làm thơ là không ngừng lui tới cõi nguồn đảo nguyên. Tân Đà không thể và không cần phải nhiều lần cất tiếng hỏi đảo nguyên theo cách thế đó. Có thể những câu thơ này không phải của Tân Đà. Thực sự thì đó chẳng phải là thơ của Tân Đà. Cũng là đảo nguyên đấy nhưng đảo nguyên này không phải là đảo nguyên của Tân Đà. Đảo nguyên này của ai? Của Nguyễn Huy Hồ chăng? (Trường mình lạc lối nguồn đảo. Khi ra Đông khải khi vào Đông doanh) (4). Không phải của Ng. Huy Hồ vì kinh nghiệm đảo nguyên của Ng. Huy Hồ là kinh nghiệm đảo nguyên của một người thư sinh chứ không phải là kinh nghiệm đảo nguyên của một người tráng sĩ. Vâng, một người tráng sĩ đã từng có thanh gươm yên ngựa hăm hỏi.

Khôn hỏi đảo nguyên đâu tá

Khôn hỏi đảo nguyên đâu tá?

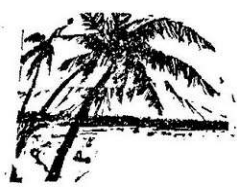
Ái biết bằng doanh chẳng tá

Ái biết bằng doanh chẳng tá?

ĐÓ là giọng điệu của một tráng sĩ đã xuống ngựa cõ đơn gối bên bờ sông câu cá. Đó là thiên thai muộn màng của một anh hùng đã thấm mệt vì một chút tình lụy hồng nhan. Đó là đảo nguyên chỉ mới khởi sự, khởi sự muộn màng và chậm dốt thật sớm. Vâng đó là Phạm Thái, chàng hiệp sĩ say đã lỡ đánh mất thanh gươm trong một nửa đời người để đổi lấy món tư trang nhỏ lẻ của người tình cũ (gương và lược mới). (5).

Phạm Đan Phượng tráng sĩ, xin trả đảo nguyên đó lại cho tráng sĩ bởi vì tráng sĩ đã gặp Quỳnh Như quá muộn màng, phải chăng một người tình đã gặp ở ngoài tuổi trẻ? Và hỏi đâu cái ngày Ái Khanh đã bỏ ta đi lấy chồng... Đảo nguyên, đảo nguyên đâu tá? Bằng doanh, bằng doanh chẳng tá? Ái hỏi và ai trả lời? (giữa Phạm Thái và Tân Đà). Những lời nói cuối cùng về đảo nguyên không phải

THƠ TÂN ĐÀ



TÔNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai.
Suối tiền, oanh đưa, những ngâm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai,
Ước cũ duyên thừa có thể thôi.
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thần bóng trăng chơi.

là những lời nói tuyệt đối (Trong cách hỏi trong dự định hỏi, trong người hỏi đã có sẵn câu trả lời... - Heidg.)

Thực ra đó không phải là một điều gì đáng phải lo toan thái quá. Vâng, thừa tiên sinh, có đảo nguyên hay không có đảo nguyên, giấc mộng con hay khối tình con, gói thơ cho một người tình quen biết hay gói thơ cho một người tình không quen biết, kể từ đây điều đó thực nào có nghĩa lý gì để cho tiên sinh phải bận lòng quá lắm...Δ

(1) Ở đâu đó (Đi Vào Cõi Thơ?) Ô. Bài Giảng cho rằng rất lạ chỉ có những bài thơ dịch của T. Đà mới đáng gọi là hay. Đối với toàn sự nghiệp của T. Đà thì nói như vậy không phải là một... nhận xét gọi là tạm đủ. Nói về thơ dịch (của Tân Đà hay của những ai khác) thì tự nó những bài thơ dịch hay nhất đều mang sẵn một định mệnh kỳ khôi: hay vì nó vừa gần gũi vừa đạt được ý của nguyên văn nhưng đồng thời nó lại là một cái gì tách xa ra khỏi nguyên văn, bỏ rơi nguyên văn một cách nào đó. Như văn dịch của Văn Mông chẳng hạn.

(2) Đảo Tiềm: Đảo-hoa nguyên kỳ.

(3) Nhân đây xin nhắc lại một nhận xét của Ô. Hà Như Chi về hình thức những bài văn xuôi của Tân Đà: «tác giả «đưa» với chữ hơn là diễn đạt ý tưởng cho mình bạch» (Tân Đà Ng. Khắc Hiếu, Tân Việt, 1958, tr. 21)

(4) Nguyễn Huy Hồ: Mai đình mộng kỳ.

(5) Bốn câu thơ trên là những câu thơ thứ 456, 457, 518, 519 trong «Sơ Kinh Tân Trang» (theo bản của Sở Cường văn khố, Nam Kỳ, 1932). Phần thơ Tân Đà đọc theo «Tân Đà vận văn» (tập 1 và 2, xb. Á Châu).

W. FAULKNER

(tiếp theo trang 7)

Flaubert, Balzac — ông tạo ra một thế giới trình nguyên cho mình, một dòng máu chảy qua hai mươi tác phẩm — Dostoevski, Tolstoi, Shakespeare. Thỉnh thoảng tôi đọc Melville, và đọc Marlowe, Campion, Jonson, Herrick, Donne, Keats và Shelley trong những thi sĩ. Tôi đọc cả Housman. Tôi thường đọc những tác phẩm này luôn đến nỗi ít khi tôi bắt đầu từ trang một và đọc đến trang chót. Tôi chỉ đọc một màn, hay một chương, như thể gặp gỡ và nói chuyện với một người bạn trong giây phút.

NPV : Còn Freud ?

FAULKNER : Tất cả mọi người đều nói về Freud khi tôi sống ở New Orleans, nhưng tôi chưa hề đọc ông ta. Cũng như Shakespeare không đọc. Tôi không tin Melville đọc và tôi chắc chắn Moby Dick khi đọc Freud.

NPV : Ông có bao giờ đọc truyện huyền bí ?

FAULKNER : Simeon vì ông ta gọi cho tôi vài nét của Chekhov.

.....

NPV : Chức vụ của nhà phê bình thế nào ?

FAULKNER : Nghệ sĩ không có thì giờ nghe nhà phê bình. Những người muốn trở thành nhà văn đọc tạp chí, những người muốn viết văn không có thì giờ đọc tạp chí. Nhà phê bình cố gắng nói : Kilroy ở đây. Chức vụ của ông ta không hướng về nghệ sĩ. Nghệ sĩ hơn nhà phê bình vì nghệ sĩ viết được điều gì khiến nhà phê bình sẽ xúc động. Nhà phê bình viết điều gì sẽ khiến mọi người xúc động trừ nghệ sĩ.

NPV : Bởi thế ông cảm thấy không cần bàn cãi về tác phẩm của ông với bất cứ người nào ?

FAULKNER : Vâng, tôi quá bận viết lách. (...)

NPV : Các nhà phê bình còn cho rằng nhân vật của ông không bao giờ lựa chọn một cách ý thức giữa thiện và ác.

FAULKNER : Cuộc sống không quan tâm tới thiện ác (...) Cuộc sống là chuyển động và liên quan tới cái làm con người chuyển động — là tham vọng, thể lực, lạc thú (...)

NPV : Điều gì xảy ra cho ông giữa cuốn *Lương Linh* và Sartoris — nghĩa là, cái gì đã khiến ông bắt đầu viết huyền sử Yoknapatawpha ?

FAULKNER : Với cuốn *Lương Linh*, tôi thấy viết lách thú vị. Nhưng sau đó tôi thấy rằng không những mỗi cuốn sách phải có một đại ý mà ngay cả toàn thể tác phẩm hay tổng số tác phẩm của một nghệ sĩ cũng phải có một đại ý. Với cuốn *Lương Linh* và *Mũi* tôi viết để viết vì viết lách thú vị. Bắt đầu với *Sartoris* tôi khám phá thấy rằng con tem (cò) nhỏ bé của quê hương tôi cũng đáng viết về nó và tôi không bao giờ sống lâu đủ để khai thác hết, và bằng cách thăng hoa hiện tại vào huyền ảo tôi sẽ có tự do hoàn toàn để sử dụng bất cứ tài năng nào tôi có thể có để đạt đỉnh cao tuyệt đối của nó. Nó đã khai mở vàng của người khác, bởi thế tôi sáng tạo một vũ trụ của riêng tôi. Tôi có thể đi động những người trong vũ trụ đó như Thượng Đế, không phải chỉ trong không gian mà cả trong thời gian nữa. Sự kiện tôi đã đi động những nhân vật của tôi trong thời gian một cách thành công, ít ra là theo sự thẩm định của tôi, chứng minh lý thuyết riêng của tôi rằng thời gian là một trạng thái lưu chuyển không có cuộc đời nào ngoại trừ sự hóa thân chốc lát của cá thể. Không có cái gì như đã qua chỉ có hiện tại là. Nếu đã qua hiện hữu, thì không có gì phiền não hay ưu sầu. Tôi nghĩ về thế giới tôi sáng tạo như một tảng đá trên chóp cửa tò vò trong vũ trụ; rằng dù nhỏ bé như khối đá trên chóp cửa tò vò ấy, nếu nó bị lấy đi thì cả vũ trụ sẽ sụp đổ theo. Cuốn sách cuối cùng của tôi là cuốn *Mặt Thế Thư* (the Domsday Book), Kim Thư (the Golden Book) của Xứ Yoknapatawpha. Rồi tôi sẽ bỏ bút và tôi sẽ phải ngừng. Δ

HUỲNH THANH TÔNG

— Đơn vị : Tổng Cục CTCT (biệt phái nhiệm sở cũ, Ty Tiểu học An-giang) — Tác phẩm : — đã xuất bản : *Khởi Nguyên* 1961.

TRƯỚC mấy câu hỏi của anh Tường Linh nêu ra, tôi giật mình, lúng túng và nghĩ không biết trả lời sao cho đôn đáo. Thật ra, từ khi tôi bắt đầu sáng tác cho đến nay, tôi chỉ tùy hứng, tùy lúc, và tùy hoàn cảnh thuận tiện. Tôi không hề nghĩ về tôi phải ở trong một trường phái nào hay phải ở trong một nhóm nào cả.

Trường hợp nhận thức sự lớn mạnh hay sự đứng lại một chỗ của thi ca cũng thế vì bản tính cố hữu của tôi là không mấy quan tâm đến những diễn biến chung quanh. Tôi chỉ sáng tác theo lòng đam mê của tôi. Bởi lẽ sự sáng tác không là một nghề mà chỉ là một cái nghiệp đa mang mà thôi.

... Tôi có thể phân định thi ca miền Nam từ khoảng 1954 đến nay được chia ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ 1954 đến 1964, thời thịnh của thi ca mang tính chất trữ tình, và lãng mạn. Giai đoạn thứ nhì từ 1965 cho đến nay, thi ca mang đầy chất chiến đấu tính hay thi ca thời chiến.

GIẢI ĐOẠN THỨ NHẤT 1954-1964 :

Thi ca trữ tình, lãng mạn

Trong suốt thời gian này thi ca lớn mạnh từ phẩm đến lượng. Đa số bút nhóm được thành lập rầm rộ khắp mọi nơi. Báo chí khai thác triệt để loại thơ trữ tình. Tác phẩm được tác giả chăm sóc xuất bản ồ ạt. Thật là một sự hiếm có về sự phát triển thi ca trong thời kỳ này.

Đối tượng sáng tác của các thi sĩ là tình yêu lứa đôi, sự dang dở rồi mới đến lòng hoài vọng cổ hương và oán than nỗi xót đau dòng sông lịch sử. Những tác phẩm lấy tình yêu làm đối tượng được xuất bản bán khá chạy.

Người đọc thơ đón nhận những tác phẩm này nồng nhiệt lắm. Nhưng cũng trong giai đoạn này có một vài tác phẩm nhằm suy tôn lãnh tụ được tung ra, người ta không bao giờ đón nhận và không được ảnh hưởng gì vào quảng đại quần chúng hay những thành phần cán bộ trung kiên nồng cốt. Người ta coi đó là một món trang sức huyền thoại của lãnh tụ mà thôi.

Giai đoạn này có thể gọi là giai đoạn thụ hưởng. Người làm thơ chỉ thấy trước mặt những sự an bình trong dòng lịch sử êm xuôi, nỗi nguy nan không có, chiến tranh xa vời đâu đâu. Hiện diện của nửa quê hương bên này là những con đường dài trắng óng mượt, dòng sông không tàu chiến, đồng ruộng không bom cây đạn xéo v.v...

Thi sĩ diễn đạt tư tưởng nhờ thi ca làm trung gian chuyển đến người đọc. Kể tiếp nhận nồng

hiệt đón từng tác phẩm của người làm thơ. Thi ca vì đó mà lớn mạnh trong khuynh hướng trữ tình lãng mạn.

Tôi có thể xác nhận một cách chủ quan là thi ca quân đội hay nói một cách khác là thi ca viết về chiến tranh không phổ trương được gì trong sứ sáng tác mãnh liệt cung ứng dồi dào của loại thơ trữ tình suốt thời này. Những nhà thơ quân đội trữ tình thế đó mặc nhiên chấp nhận theo khuynh hướng trữ tình của những người làm thơ ngoài.

Ngôn ngữ thi ca trữ tình được các người làm thơ sáng tạo thêm. Kho tàng văn hóa nước nhà nư rằng phong phú trong thuở thịnh thời của thi ca miền Nam ở giai đoạn này.

GIẢI ĐOẠN THỨ NHÌ 1965

Thi ca thời chiến

Trong giai đoạn chuyển tiếp sau này đất nước nằm trong tình thế khẩn trương. Chiến tranh lan rộng từ rừng sâu đến đồng bằng và tràn vào phố phường đô thị. Những người làm thơ trữ tình hồn nào giờ lại phải lên đường nhập cuộc lửa binh. H đã thật sự diện kiến với cảnh tốc tang, bom đạn máu lửa, thật đồ xương phơi và anh dũng cầm súng chống quân thù trong từng lỗ cốt một với đồng đội. Quê hương đau thương lộ lộ trước mặt qu phủ phàng, nguồn cảm hứng chuyển hướng từ trữ tình qua chiến đấu tính. Họ hăng say sáng tác cho quê hương, cho nỗi trầm tư của người lính trẻ hôm nay, cho nỗi nhọc nhằn của mẹ V.N ca tụng những anh hùng vô danh đang sống chế dưới cờ, đang lao mình vào gai lửa chiến trường. Thật vậy, những địa danh hân trong chiến sử đã chiến tích vàng son hôm nay bắt nguồn cảm hứng cho thi nhân và thi nhân dành cho thi ca trọn vẹn nét hào hùng quả cảm của một dân tộc không bao giờ chùn bước trước nguy nan, trước làn sóng ngoại xâm lũ lượt đổ vào.

Thi ca trữ tình được chuyển tiếp qua chiến đấu. Nhờ đây giờ đây thi ca quân đội sống dậy ngôn ngữ được sáng tạo ngày thêm phong phú.

Nếu ta thử lật qua báo chí hôm nay thì thấy rõ ràng thi ca nói về chiến tranh rất nhiều. Giờ những văn thơ trữ tình ướt át không còn được người đọc tiếp đón nồng nhiệt nữa vì người ta muốn biết đến chiến tranh, đến chết chóc, ngoài chiến trường, những phút giây từ thù qua sự trung gian của thi ca thời quê hương làm chiến.

Trong sự lớn mạnh của thi ca quân đội hiện nay, tôi nhận thấy rất ít tác phẩm hay tuyên tậ được xuất bản mà chỉ thấy rất nhiều thơ đáng rí rác ở các tuần, bản nguyệt san.

Vài tác phẩm phải nhọc nhằn lắm mới xuấ bản được. Một vài tuyên tậ không làm nên tích sự gì. So lại với thời kỳ thứ nhất về xuất bản tác phẩm thì phải nói là thua kém xa lắm.

CHÂN DUNG CHÀNG NGHỆ SĨ TRẺ

của JAMES JOYCE

ĐỖ KHÁNH HOAN và NGUYỄN TƯỜNG MINH dịch

Đây là hình ảnh một thiếu niên chán chường mọi quan niệm, luôn luôn bị khát vọng sáng tạo đầy vò, một nghệ sĩ bị đặt vào nghịch cảnh : một buổi thiếu thời buồn thảm dưới mái nôi trú ẩn u, bạn bè quấy phá, thầy giáo khắc nghiệt, kỷ luật học đường bất công, cộng thêm lòng hồ nghi về vấn đề tôn giáo, tính kiêu ngạo tò mò của một tâm hồn tự do, nỗi sầu não ế chế của một mối tình đầu tan vỡ... Tất cả như thúc đẩy, như sửa soạn tổng biệт chàng vào cuộc hành trình cô đơn mà bất cứ một nghệ sĩ nào cũng phải qua trên đường sáng tạo : « Chào mừng cuộc sống ! »

Đây không phải chỉ là chân dung của Joyce, đây là hình ảnh muôn đời của những CHÀNG NGHỆ SĨ TRẺ qua những lần lột xác đau đớn : « để trở thành kẻ sáng tạo, chúng ta cần phải nhiều đau khổ và hóa thân ». — Nietzsche. Chàng đã rút mình ra khỏi giáo hội, chàng còn phải giải thoát khỏi mọi giảng buộс của tình yêu, ra đi với một niềm tin sắt đá rằng mình phải đi trong cô đơn, thực hiện một cuộc lưu đầy với thời gian, xứ sở, đức tin, bạn bè, để thành đạt tới mức tối thượng của thực tại.

HOÀNG HẠC xuất bản

NHẬN ĐỊNH VỀ THƠ VÀ THƠ TRONG QUÂN ĐỘI

TƯỜNG LINH THỰC HIỆN

Có thể nghĩ vì ảnh hưởng cuộc sống đất đỏ hiện nay, đồng tiền làm được thì ít mà sự mua sắm gấp đôi, ba thì làm sao ai mà dám in mà dám mua một tác phẩm. Sự ăn uống lo còn không xuê nói gì đến bồi bổ tinh thần.

Nói đến vấn đề người làm thơ phải chọn hẳn một trường phái cho mình thì tôi thấy cần thiết. Vì khi người thơ đã biết rõ rằng mình thuộc một trường phái nào đó họ mới dốc toàn khả năng của họ vào sáng tác và sở trường được phô bày trọn vẹn, sở đoản bị chôn bỏ luôn. Thơ của họ vì đó dồi dào ngôn ngữ sáng tạo, trù phú về tứ thơ kỹ thuật cấu tạo mỗi ngày thêm sắc bén.

Việc ở trong một nhóm hay một trong hình thức tập hợp nào đó thì hiện nay tôi thấy cũng không cần mấy. Những nhóm, những tập thể kết nạp bằng hình thức này hay khác không làm được gì cho người làm thơ phát huy khả năng. Thứ đến trên đầu tay có bao nhiêu nhóm, bao nhiêu sự kết hợp tập thể có đoạt kết quả khả quan nào không. Sự kiện nêu trên chỉ là hữu danh vô thực, phát hiện chớp nhoáng rồi chết liền ngay sau khi khởi đầu bắt tay vào việc.

Sáng tác tác tự do, tôi thấy năng suất cao chứ không kém đâu miễn là người thơ đam mê, nhẩn nại đi trên con đường mình đã chọn lựa.

Về phương diện sáng tác của tôi thì không gặp trở ngại nào cả. Trong trường hợp nào, tùy hoàn cảnh, tùy lúc tôi vẫn phần khởi viết vì tôi thiết nghĩ sự sáng tạo làm cho thỏa mãn tâm hồn.

Người làm thơ trong đất nước này thường mang hoài bão là xuất bản tác phẩm của mình. Nhưng vẫn đề xuất bản là trở ngại lớn lao cho biết bao người có tác phẩm nhưng vẫn giữ kín trong ngăn kéo. Thường tác phẩm về thơ ít được các nhà xuất bản sẵn đón. Người làm thơ phải tự bỏ tiền ra để in, tự chăm sóc lấy, tự tiêu thụ lấy. Hoặc giả khi nhờ nhà xuất bản đỡ đầu trong việc ghi tên nhà xuất bản nào đó phát hành nhưng rồi cũng không tạo được sự chú ý khả quan vì thiếu sự cổ vũ trong quảng cáo.

Thời kỳ tôi xuất bản tập *Khơi Nguồn*, tôi nói thật là rất vất vả mới tiêu thụ được 450 quyển, còn lại 50 quyển để tặng đó đây thôi.

Theo tôi thì nhà phát hành và nhà xuất bản là trung gian giữa tác phẩm và tác giả. Hãy đặt lại vấn đề quảng cáo cho bất cứ loại sách nào do mình xuất bản và phát hành. Nước mình tác phẩm khi được xuất bản thì đặt ngay ở nhà sách bán và chỉ quảng cáo sơ ỉt hàng trong nhật báo hoặc tuần san. Làm như vậy tôi thấy chưa được vì người đọc thường hay sợ mua lầm, họ chỉ nghe người này khen kẻ khác khen hoặc được dịp đọc một bài phân tích phê bình cho cuốn sách đó gọi sự tò mò mua để đọc cho biết. Phải làm cách nào cho văn chương là điều cần thiết của con người mới được thì vấn đề xuất bản một tác phẩm không còn là trở ngại lớn lao nữa.

Tôi rất thắc mắc về việc trả nhuận bút cho các bài thơ đăng báo. Thường những bài thơ đăng trên tuần san, nguyệt san không được hưởng tiền nhuận bút mặc dù bài thơ đó rất hay. Thiết nghĩ rằng làm một bài thơ cũng khó như viết một truyện ngắn vậy. Các báo chí hãy đặt lại vấn đề trả nhuận bút cho thơ

là bằng cách thanh toán đặc biệt cho những người viết gởi về thường xuyên đề một là khích lệ và thù lao tiền thuốc, cà phê và cước phí.

Đài TNQĐ trước kia có 1/2 giờ thi văn thời chiến do anh Huy Phương chủ trương, sau này dường như bỏ đi là phải? Nên cho chương trình này hoạt động lại nhằm giới thiệu thi ca quân đội.

Hội VNSQĐ thành lập ra nhằm giúp ích anh em quân nhân nhưng đến nay không thấy được gì cho đáng mừng ngoài một tờ *Khởi Hành* đang xuất bản hằng tuần. Một tuyển tập phát hành năm rồi chưa đáp ứng được gì đâu, hãy cố bước thêm vài bước nữa xem sao.

Giải thơ của hội VNSQĐ phát động, tác phẩm gởi về nhiều rồi cho đến nay chưa nghe nói đến tuyên bố kết quả.

Tờ KH cũng khá lời có thể làm thêm một cơ sở xuất bản Quân Đội cho anh em in tác phẩm.

Hai nơi này của QĐ mỗi nơi làm một ít chừng tỏ sự trời dẫy của thi ca thời chiến.

Lúc trước QĐ Đoàn 4 và QĐ 2 có phát hành hai tờ báo, tờ Cao Châu của QĐ 2 đặc sắc lắm nhưng đã chết, chắc vì thiếu hụt sự yểm trợ đặc lực của trung ương. QĐ 4 cũng bước theo vết đó đó. Ấu cũng là điều đáng suy gẫm cho hiện tình hoạt động thi, văn Quân Đội.

Nói đến thi ca miền Nam trong và ngoài Quân Đội là vấn đề cần phải được bàn cãi sâu rộng và nói đến đưa thi ca tiến lên là phải có một kế hoạch trường kỳ nằm trong lòng tích cực của người làm văn học nghệ thuật hôm nay và ngày sau. Δ

HỒ TÂN DÂN

Sư đoàn Nhảy Dù
KBC. 3043

1.— Mùa thu năm 1967, tôi được tham dự cuộc đại hội Văn Nghệ Sĩ Toàn Quân. Lúc bấy giờ, có thể nói đại hội đã tập hợp được khá đông những anh em làm văn nghệ đang phục vụ trong quân đội. Anh em làm thơ thì gần như đủ mặt.

Lần ấy, nhận định về Thơ của miền Nam chúng ta từ 1954 về sau, tất cả anh em đều đồng ý với anh Tường Linh trong bài tham luận của anh đọc tại đại hội bên cạnh những bài khác của các anh em mọi bộ môn. Cho đến bây giờ, theo thời kiến, về đại thể, tình trạng thơ của miền Nam cũng không thay đổi mấy. Có thể tóm tắt đó là khoảng thời gian mà thi ca của ta được phát triển một cách dồi dào nếu căn cứ vào con số người làm thơ cứ mãi mãi đông thêm. Trong quân đội cũng vậy. Người làm nghệ thuật trong quân đội với bên ngoài cũng như một cái hồ ước bên cạnh con sông lớn. Sông đầy thì hồ đầy, đôi bên không có gì khác biệt. Trong cái đồng đảo, rộn ràng đáng mừng ấy của thi ca, chúng ta cũng nên thành thật mà nhận rằng số lượng tác phẩm thơ ra đời khá nhiều, không ai có thể nhớ hết được con số thi tập được phát hành trong một năm nhưng những tập thơ thật có giá trị quả là rất ít. Một điều đáng buồn là có những người làm thơ rất hay nhưng bản thảo của họ cứ xếp mãi một xó trong khi rất nhiều người khác sẵn

tiền, sẵn phương tiện lại in thơ vung vít. Họ chờ chào đời những tác phẩm hơi vội, đáng lẽ họ còn phải chờ một thời gian để gạn lọc cho những bài thơ được in thành tập có thể gọi là *thơ*. Do đó, có nhiều tác giả đã in cả năm, mười tập thơ nhưng may lắm người đọc nhớ được tên tập thơ của họ chứ không ai có thể thuộc được một vài bài. Nhìn chung, cái số lượng thi phẩm ngập tràn trong các tiệm sách nhưng có quá ít tập thơ hay là điều đáng cho chúng ta suy ngẫm.

2.— Thành thật mà nói, quân đội ta có rất nhiều nhà thơ có tài, các báo quân đội từ bao năm qua đã đăng tải không biết bao nhiêu bài thơ hay, nhưng tôi cũng thắc mắc là tại sao, cho đến bây giờ chúng ta vẫn không có được một tập thơ mang nội dung thuần túy về người lính chiến, về cuộc chiến đấu anh dũng này mà người lính đã bao lần được mô tả là những thiên thần?

Câu nói trên đã khẳng định cho lời phát biểu của tôi rằng thực trạng ấy hoàn toàn không do sự yếu kém của thi ca quân đội. Tôi không tin rằng các cơ quan có trách nhiệm của quân đội ta thiếu phương tiện cũng như không bao giờ dám nghĩ rằng quý vị có trách nhiệm về công tác đấu tranh chính trị, xử dụng văn nghệ, báo chí như một lợi khí để đánh kẻ thù lại xem nhẹ tác dụng của thơ bên cạnh các bộ môn văn nghệ khác?

Tôi đồng ý đây là một thực trạng nhưng không thể để nghĩ gì cả vì về phía những người làm thơ hiện phục vụ trong quân đội xem như từ bao năm qua họ đã cố gắng nhiều trong việc dùng 'thơ' để nói lên tiếng nói của người lính, phục vụ chiến đấu, ca ngợi tự do và lòng yêu nước v.v... Ấn hành để phổ biến hoặc lưu giữ những vốn liếng văn hóa, tôi nghĩ không phải là việc của những người làm thơ đang cầm súng vì thật ra, họ rất bận với chuyện cầm súng.

3.— Chọn trường phái thì không nên. Người làm thơ nên biết rõ cái sở trường và sở đoản của mình để theo đó mà trau dồi tài năng, nghệ thuật. Tôi nghĩ như vậy cũng đủ rồi.

Nếu có thể, nên ở trong một nhóm hay trong một hình thức tập hợp nào đó để giúp đỡ nhau tiến bộ. Tuy nhiên không nên dùng 'sức mạnh' của nhóm mình để làm phương hại ít nhiều cho những cá nhân hay những nhóm khác.

Hội Văn Nghệ Sĩ QĐ của ta cũng là một hình thức tập hợp rất đẹp và cần thiết nhưng đáng tiếc thế không cho phép chúng ta toại nguyện như lòng mong mỏi ban đầu.

4.— Trong quân đội, tôi là kẻ làm thơ rất ít. Tôi sáng tác khó khăn lắm. Làm một lúc năm, mười bài xong phải gạn lọc thật lâu để giữ lại một vài bài. Do đó, tôi không thấy có gì phải trở ngại cho việc sáng tác của tôi nếu phải tìm một trở ngại khách quan. Thú thật, nếu nhấm nhấm in bừa thì tôi cũng có được hơn một tập nhưng tôi không dám làm như thế. Tôi còn nhìn lại mình và không thỏa mãn với những bài thơ đã có nên chưa nghĩ đến chuyện xuất bản.

5.— Câu thứ 5, tôi xin dành để hỏi lại người phỏng vấn: — giải thưởng Văn, Thơ của Hội để ra trước đây sao im lìm thế? Có xúc tiến hay hủy bỏ? Δ

KHI NGƯỜI ĐIÊN... TRẢ THỦ

Không ai thiết thời bằng "người Điên" cho nên đầu "mất trí" đến đâu, họ cũng phản ứng: TRẢ THỦ một cách... ôn hòa, bằng những bài thơ CÌ CỤC, độc đáo, mà bạn sẽ gặp trong:

THƠ ĐIÊN (...thứ thiệt)

— do THÁI BÌNH ĐIÊN QUỐC xin tạm giữ bản quyền — do các bác sĩ tại DUỐNG TRÍ VIỆN BIÊN HÒA thực hiện. — do KI-BOB-FÓ-CI... xuất bản — do ông MINH HIỀN Nguyễn Việt Hùng (166/110B Lĩ Thái Tồ) tổng phát hành... NHỮT ĐỊNH, giá 200\$ (nhưng sự thật nó vốn là VỐ GIÁ)

Tháng 10 năm 1955, nhân ngày kỷ niệm nhà văn Lỗ Tấn qua đời, Hội Nhà Văn quyết định tổ chức một buổi nói chuyện về Lỗ Tấn. Lỗ Tấn là một nhà văn cách mạng Trung Quốc, được Đảng Cộng Sản Trung Quốc đề cao là «văn hào vĩ đại» của văn học vô sản.

Nhớ đến cái «thù vật» về «cai văn nghệ» và «cui văn nghệ» mà cụ Phan Khôi đã phát biểu ý kiến trước đây, Nguyễn Tuân đề nghị chỉ định cụ Phan Khôi làm thuyết trình viên với lý do : cụ Phan được xem là nhà văn lão thành, niên trưởng trong làng văn Việt. Mọi người đồng ý.

Theo nguyên tắc Đảng, mỗi khi một tài liệu nào được đưa ra trước quần chúng đều phải có sự chấp thuận và ý kiến «lãnh đạo» của Đảng ủy. Cuộc nói chuyện về Lỗ Tấn, cử tọa ngoài những nhà văn trong Hội Nhà Văn, còn có những nhà văn ngoài Hội, còn có giới trí thức, đại diện các đoàn thể, đại diện nhiều cấp bộ Đảng khác và Ủy Ban Tuyên Huấn của Trung Ương Đảng được mời đến dự. Đặc biệt nhất là có một số nhà văn Trung Quốc và tùy viên văn hóa của Tòa đại sứ Bắc Kinh. Cho nên bài thuyết trình của cụ Phan Khôi trước khi đem ra đọc cho cử tọa nghe phải trình lên cho Đảng Ủy Hội Nhà Văn kiểm duyệt, góp ý kiến cũng như «xây dựng đề tài». Dĩ nhiên, trong số Đảng ủy viên có Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân sẽ hạch hỏi, đặt mìn cho bỏ ghét.

Không biết trong cuộc kiểm duyệt, «xây dựng đề tài» lần đó như thế nào, sau này cụ Phan đã phải tức tối kêu lên, trong bài : «Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ» đăng trong báo «Nhân Văn» cho mọi người cùng biết :

— ... Trong bài tôi viết có đoạn : «Lỗ Tấn không hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhưng trong văn chương của ông không hề dùng danh từ Mác xít. Mỗi khi đọc làm tôi nghĩ đến con tôm, con dế ăn dẫu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dẫu thì không phải là con tôm.»

Ông Nguyễn Tuân bắt bẻ tôi, hỏi tôi nói như thế là định ám chỉ ai, để ghệt tôi phải bỏ đoạn đó và sửa chữa lại.

Tôi lấy làm lạ, tại sao tôi có tâm địa xỏ lá đến nỗi khi nói phải ám chỉ ai mới được ?...

... Ông Nguyễn Tuân và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ông không có thâm quyền về nghệ thuật viết văn. Nhưng các ông có nghệ thuật của các ông, còn tôi có nghệ thuật của tôi...

Có lẽ bài báo trên đây của cụ Phan Khôi đã đặc những ông «cai văn nghệ» vào một «tình trạng khó xử trước quần chúng, cũng như Trung Ương Đảng buộc lòng phải «có ý kiến lãnh đạo» đối với những văn nghệ sĩ đảng viên. Bởi nhà văn nổi tiếng cần phải sáng tác nhiều, sáng tác hăng hơn những quần chúng bên ngoài, có thể mới xứng đáng là «cai văn nghệ», gương mẫu, tích cực, làm gương cho quần chúng noi theo. Nhưng, những ông «cai văn nghệ» thì

hầu như chẳng viết lách gì, chỉ biết hò hét, đi ăn tiệc đầu này, đi chơi đầu nọ, đầu lão, hưởng thụ nhiều hơn...

Ông cai Nguyễn Tuân cũng vậy. Suốt quá trình 9 năm kháng chiến đã cho ra đời một quyển sách mới nào đâu ? Vài cái tùy bút, vài truyện ngắn ảm ố... Không thể được ! Phải làm nhiều hơn.

Mà viết thì viết gì bây giờ ? Từ những ngày chính huấn 1953, những cán bộ Đảng phụ trách văn nghệ đã chẳng từng bảo nửa đùa nửa thật vào mặt Nguyễn Tuân :

— Đồng chí mà viết phóng sự hút thuốc phiện hay các ngón ăn chơi là nhất thiên hạ...

Không biết nghĩ sao, trong thời gian «chờ đợi», nhân cái dịp vừa mới tiếp thu Hà nội, buổi giao thời Đảng chưa có chính sách rõ rệt, một số ông cai «văn nghệ», lợi dụng cho tái bản lại những tác phẩm cũ Nguyễn Tuân liền a tòng theo cho in lại quyển «VANG BÓNG MỘT THỜI» một trong những tác phẩm bị «treo cờ» và «khai tử» trước đây. Thấy «BUỐC ĐƯỜNG CÙNG» của Nguyễn Công Hoan được Đảng cho tái bản để phục vụ cải cách ruộng đất, Nguyễn Hồng liền cho in lại «BÍ VỎ», «NHỮNG NGÀY THƠ ẤU», và không biết «bàn tay nào» những vào cho in lại GIÔNG TỐ và SÓ ĐỎ của Vũ trọng Phụng, TIÊU SƠN TRẮNG SĨ của Khái Hưng.

Quyển VANG BÓNG MỘT THỜI của Nguyễn Tuân được Tuân giao cho Nhà Xuất Bản Minh Đức tái bản. Cần nói thêm, sau 1954, ở miền Bắc chỉ còn có một Nhà Xuất Bản Minh Đức là nhà xuất bản tư nhân, ngoài sự kiểm soát của Đảng. Và, nếu không làm thì chính nhà xuất bản này cũng là cơ sở ẩn nấp cho tờ NHÂN VĂN của cụ Phan. Khi NHÂN VĂN bị Đảng bóp chết thì Nhà xuất bản này cũng chết theo.

Đáng lẽ ra, khi cho tái bản VANG BÓNG MỘT THỜI bất cứ về lý do gì, Nguyễn Tuân cũng phải viết cho một cái tựa mới xác định quan điểm chính trị như những quyển sách tiền chiến được tái bản khác. Đó là một tối cần thiết để phù hợp với tình hình và chế độ mới. Nhưng đảng này, Nguyễn Tuân không làm công việc đó.

Bởi vậy, khi quyển sách phát hành, Đảng giận Tuân vô kể, xem đó là một sự thách thức, chống đối đường lối Đảng. Tức khặc, nhà xuất bản Minh Đức được lệnh cấm, không được in lại bất cứ một tác phẩm nào của «vùng địch hậu» (tức vùng Pháp chiếm trước đây) hoặc những tác phẩm gần chiến, dù cho tác giả của nó theo Đảng từ 1945-1946 kháng chiến ở Việt Bắc suốt 9 năm qua và ngay nay đã về Hà nội.

Riêng Nguyễn Tuân, Đảng tuy chưa chính thức có thái độ phản ứng quyết liệt nhưng hạ lệnh cho những «cai văn nghệ» khác như Tô Hoài, Hoài Thanh, Bùi Hiền, Vũ tú Nam v.v... mở một chiến dịch «hạ uy thế», gián tiếp nhục mạ Nguyễn Tuân trên tuần

báo Văn học. Tuần báo này có mục NGƯỜI DỌN VƯỜN, không tuần nào là không có bài mới móc những câu văn sai cú pháp, những từ ngữ chính tả cho đến cả «giọng văn» xuyên qua các bài viết, các tác phẩm của Nguyễn Tuân.

Suốt mấy năm liền, mục NGƯỜI DỌN VƯỜN của báo Văn Học dường như được lập ra để «nhỏ cỏ» Nguyễn Tuân, công kích, bới lông tìm vết Nguyễn Tuân, trong khi hằng hà sa số nhà văn khác viết lách cầu thả, sai văn phạm thì không nói đến.

Nguyễn Tuân ức vô tả, ức đến nỗi đom đóm mắt mà không biết phải

Nguyễn có vì sao ?

Ta nên rõ là sau ngày tiếp thu Hà nội cho đến 1957, miền Bắc đã đi vào chính sách cải cách ruộng đất và tình trạng lúc bấy giờ dân chúng lâm vào cảnh đói kém, cơ cực, cơm đói, khoai, rau muống còn không có đủ để ăn, mọi người tập trung vào lao động cải tạo để sản xuất, như nhà thơ Phùng Quán viết :

Tôi đã ra đi qua những xóm làng
chiến tranh vừa chấm dứt

Tôi đã gặp những bà mẹ.

Da đen như củ chuối giữa rừng

Kéo dây thép gai tay máu châu rồng

Bởi đồn giặc trồng ngô tia lửa

Vậy mà Nguyễn Tuân viết tùy bút «PHỞ» (VĂN số 1, số 2, ngày 10 và 17-5-1957) :

«Xứ Phần Lan rừng thông trồng trắng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu trắng tuyết ; gái trai quần áo len ngũ sắc, người nào cũng như nỉ nít sắp biên diễn diễn kinh. Minh thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất quá sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghĩ ngờ nơi đây là một ăn uống giả tạo.

Cảnh «vườn người» ở Helsinki, và phóng dấy đó lem nhem đi chút ít, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây 10 ngày, mỗi ngày họp 1-2 lần ăn một người là 6 đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ bét ; nghĩ thực lúc ăn thật là trạng «trọng» : đồ sữ, đồ pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyền thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liên liên ở đại hội Hòa Bình thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp hợp của tôi và nó chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn nhưng đều đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hànội cả. Quanh khu hồ Ô-ta-ni-ê-mi chân : tôi ngồi dưới khu rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ quê hương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi ; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải Phòng rồi, đất đai miền Bắc đã giải phóng toàn bộ rồi...

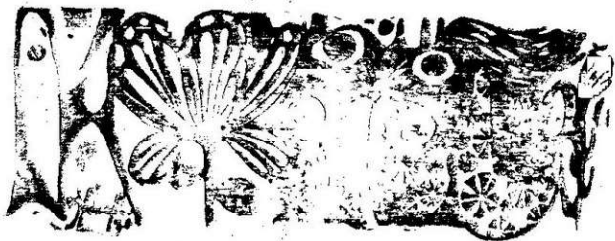
Nhưng mà chúng tôi đã kén cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ăn thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì sao mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buồn thong một căn : «Bây giờ, có ngay một gánh phở đồ bên hồ này (Xem tiếp trang 15)

NGUYỄN TUÂN



vang bóng một thời

làm sao, cứ giả mù, giả điếc chịu đựng. Cho đến khi Nguyễn Tuân nhớ lại lần tháp tùng dự cuộc hội nghị hòa bình thế giới xuất ngoại sang Phần Lan 1955, Tuân viết bài tùy bút «PHỞ» đăng hai kỳ liên tiếp trên tuần báo VĂN số 1 và 2, ra ngày 10-5-1957 và 17-5-1957 tại Hà nội. Tuần báo này của Hội Nhà Văn V.N do Nguyễn công Hoan làm chủ nhiệm và Nguyễn Hồng làm thư ký tòa soạn. Bài tùy bút này được Tuân cho là đặc ý nhất «đúng lập trường, đúng đường lối» thế mà cũng bị «NGƯỜI DỌN VƯỜN» bới móc «hạ» tôi bởi hoa lá. Nguyễn Tuân đâm ra mất bình tĩnh, câu sừn thật sự. Câu bạn bè, câu luôn cả Đảng.



THƯ CÂY ĐĂNG

Sáng ngày 1/6, KH nhận được thư cây đăng sau đây của một cây bút cộng tác thường xuyên với tờ báo : anh Phạm Công Thiện, lên tiếng trả lời loạt bài của Lê Hải Văn trên báo Đ.L., mà anh Thiện phát giác chính là thi sĩ Nguyễn Sa Trần Bích Lan. Tên trọng người cộng tác với tờ báo chúng tôi cho đăng nguyên văn lá thư này cũng như sẽ đăng nguyên văn thư của anh Nguyễn Sa, nếu anh gửi tới và xác nhận bút hiệu Lê Hải Văn mới xuất hiện lần hai tháng này là bút hiệu khác của anh.

PHẠM CÔNG THIÊN TRẢ LỜI LOẠT BÀI CỦA ÔNG LÊ HẢI VĂN VỀ TRƯỜNG HỢP PHẠM CÔNG THIÊN ĐĂNG LIÊN TỤC VÔ TẬN TRONG NHẬT BÁO ĐỘC LẬP HẠ TUẦN THÁNG 5 NĂM 1970

Kính gửi thi sĩ Nguyễn Sa Trần Bích Lan (tức Lê Hải Văn).

Phải chăng thi nhân không còn nói nhau bằng tiếng nói của thi sĩ trong cơn lửa dậy ? Tiếng chim đã bị những khẩu hiệu bóp nghẹt rồi sao và chỉ còn lại một thứ ngôn ngữ tối đen dọa dẫm trong sự rạn vỡ càng lúc càng rạn vỡ ở đất nước này ? Tôi mong ông có can đảm nhận thật tên của mình và nếu bút hiệu Lê Hải Văn bị ông chối bỏ thì tôi xin chịu lỗi và coi bức thư này gửi riêng cho Lê Hải Văn để cho hình ảnh thi sĩ Nguyễn Sa hãy còn là thi sĩ.

Bài ông xuất phát từ sự xếp đặt lâu dài mang đây : «án ý chính trị pha màu mật vụ» quá sôi nổi và cần phải được nghe lại cho đúng tiết nhịp của thời gian vượt ra ngoài mọi tư thế chính trị, bè nhóm, tập đoàn mà tôi thừa hiểu ông chỉ là kẻ thi hành hành tiền :

1.— Tôi đã có bằng cấp tốt nghiệp trường đại học Yale ở Hoa Kỳ, chứ không phải học hành «ngu dốt» và «bị thi rớt» ở Huế Kỳ như ông đã công bố trên mặt báo Độc Lập ; Ông có thể chịu khó tọc mạch đến tìm thăm tôi để nhìn bằng cấp ấy hay là Ông gửi thư hỏi thẳng Y.F.S.I ở đại học đường Yale tại New Haven (U.S.A) (Nhưng tôi thấy khó chịu : Một người mang tâm hồn như tôi mà lại cộ bằng cấp thì đó quá là sự sỉ nhục quá lớn đối với tôi : chỉ có những kẻ không tự tin mới cần bằng cấp để chứng minh và «làm ăn» !)

2.— Con người «nghệ sĩ điên gàn» trong tôi đã nổi loạn và khiến tôi tự ý bỏ học bổng ở tại Mỹ, chứ không bị ai «cúp» học bổng vì «học dốt» như ông đã công bố trên mặt báo Độc Lập ; ông có thể viết thư hỏi thẳng người trong cuộc, cô Cynthia Fish, địa chỉ : I.I.E. (Institute of International Education) ở United Nations Plaza tại New York City ; chính cô Cynthia Fish là nhân viên đặc trách cấp dưỡng học bổng cho tôi trong thời gian du học ở Huế Kỳ. Và cô Cynthia Fish đã ăn cần mời tôi ăn cơm riêng với cô tại Broadway để tha thiết van xin năn nỉ tôi đừng có bỏ học bổng, nhưng tôi trả lời : «Tôi không sống nổi ở nước Mỹ, vì nước Mỹ chỉ có toàn là Coca Cola» và cô dịu dàng chăm sóc khuyên nhủ tôi nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng ở một y viện phân tâm học tại New York, nhưng tôi từ chối và nhất quyết bỏ học bổng.

3.— Lúc tôi học ở trường đại học Columbia thì những bài vở của tôi thường vẫn được điểm A (tức là điểm cao nhất theo lối Mỹ), chứ không phải «học dốt», «học không nổi» như ông công bố trên mặt báo Độc Lập ; ông có thể biên thư hỏi lại giáo sư Faust tại trường đại học Columbia ở New York. Sở dĩ tôi bỏ học Columbia là vì tôi thấy không thích cái thành phố New York và tôi nhớ Paris và thích «làm thẳng Clochard ở Paris hơn là triện phú ở New York» (Tại sao lại phải cần nêu ra cái chuyện «học giỏi» của mình, khi tôi khinh bỉ hết tất cả học đường !)

4.— Khi tôi nhất quyết bỏ Columbia và bỏ học bổng để đi qua Paris thì chính ông Donald Taylor, nhân viên cao cấp của đại học đường Columbia, đã tận tình giúp đỡ tôi và trực tiếp điện

thoại đến Washington để can thiệp cho tôi qua Paris ; trường Columbia thì bênh vực tôi (mà đại diện trường là ông Donald Taylor), còn Washington thì phản đối và cho rằng tôi lợi dụng học bổng ở Mỹ để đi Paris vì «những ẩn sự chính trị» (nguyên văn : Political implications) mà tôi thì có bao giờ thêm đề ý đến chuyện chính trị. Chính ông Donald Taylor đã buồn rầu hỏi tôi : «Tại sao biết bao nhiêu sinh viên Mỹ muốn có được học bổng như anh mà còn anh thì lại bỏ học bổng ?» Rồi ông hỏi tiếp : «Anh sẽ làm gì cho đời anh trong tương lai ?» Tôi trả lời : «Thành Phật !» Câu chuyện xảy ra một ngày trước lễ Thanksgiving tháng 11 năm 1965. Ông có thể viết thư thẳng hỏi ông Donald Taylor, assistant director, F.S.C., Columbia University, New York City. Tôi muốn ông hỏi thẳng một nhân viên cao cấp của Columbia để ông đừng quá tin cậy qua tin tức theo lối «mật vụ» vu vơ.

5.— Về câu «Tôi khinh bỉ tất cả các thiền sư» chỉ là cách nói theo điệu thiền sư «Phùng Phật sát Phật» (Gặp Phật thì giết Phật) chắc ông không hề biết rằng mấy thiền sư gọi tổ sư Bồ Đề Đạt Ma là «tên rợ mắt xanh» (bích nhãn hồ), cái lối nói «ngạo mạn» và «du côn» ấy nằm trong truyền thống ngôn ngữ thiền tông, giống như cách nói «vô lễ» khác mà mấy thiền sư nói với đức Phật ; tôi không phải là một thiền sư, cho nên tôi không dám bắt chước thiền sư Văn Môn gọi Phật là «đồ chửi chửi khố» (cẩn thi khuyết). Muốn hiểu được nghĩa sâu thâm của những lời nói «thô tục» trên thì phải có tâm hồn bốc cháy với lửa tam muội và mới đi vào được tinh thần «Thập Bát Không» của Bát Nhã (ô hay, ông Trần Bích Lan vốn là cựu sinh viên Phật Học của Đại Học Vạn Hạnh, không lẽ nào ông hiểu đạo Phật hơn tôi, giáo sư dạy về Phật Giáo ở Viện Đại Học Vạn Hạnh !)

6.— Bây giờ tôi muốn đặt lên vài nhận xét về ông :

a) Khi phê bình tôi, ông nên có thái độ liêm sỉ tối thiểu : đừng xen từng câu riêng lẻ và bỏ mất ý nghĩa toàn thể, không có gì khôi hài cho bằng rút tía một vài câu lạc lõng rồi tha hồ giải thích theo cái nhìn ngu xuẩn của mình ;

b) Giá trị của tác phẩm tôi và của đời tôi có đứng vững hay không là do sức mạnh nội tại của chính tâm hồn tôi và ngọn lửa trong tinh thần tôi điều động, chứ không phải chịu lệ thuộc vào những ý kiến của bất cứ ai ;

c) Ông viết về tôi theo giọng điệu «trịch thượng» khôi hài và vô lễ một cách lộ bịch, tất nhiên người nào có đọc sách ông và đọc sách tôi đều thấy rằng ông chưa đủ sức để nói chuyện đăng hoàng với tôi : sự trả thù của kẻ yếu tất nhiên là phải giống đàn bà («xoi mói» «tọc mạch» «ba hoa nhảm nhí», «ngồi lê đôi mách»), xin ông hãy là kẻ trưởng phu !

d) Tất nhiên hạng người tinh tế đều thấy rằng ông ganh tị đồ kỹ tôi đủ cách vì thua sút tôi ở quá nhiều lãnh vực (học thức, văn nghệ, tư tưởng, sáng tác) mai này thanh niên Việt Nam sẽ nhớ đến tên Phạm Công Thiện, chứ khó có người còn nhớ đến tên ông ! Tôi mong ông sống dài để nhìn thấy sự việc (tôi có «kiểu ngạo» lắm không ? Thực ra, hãy còn rất khiêm tốn !)

7.— Sau cùng tôi xin kêu gọi một chút «thơ mộng» trong tận đáy hồn ông : xin ông đừng đem chuyện riêng tư của đời một người cô độc để làm trò hề đám đông rẻ tiền, nếu ông đủ tư cách và đủ tâm hồn nhạy cảm thì chúng ta hãy nói chuyện nhau trong thế giới phiêu lãng của Tư Tưởng. Chỉ khi nào chúng ta chịu đối mặt nhau trong nỗi cô độc của tư tưởng thì tiếng nói của thi nhân mới sống dậy được, chứ không còn những lời ba hoa «đôi co» nhảm nhí nhỏ mọn, hãy để yên cho mây trời muôn thuở vẫn còn lại tiếng vọng của thi nhân.

Đây là lời trả lời đầu tiên, duy nhất, cuối cùng. Còn lại chỉ là im lặng, im lặng, im lặng.

Phải chăng thi ca đã chết ? không còn gì thơ mộng nữa sao ?

Kính chào,
Phạm Công Thiện

T.B. Xin ông đừng nhắc đến tên Thích Nguyên Tánh ; ông hãy để cho tên ấy sống với khoảng trống cảm lạnh nào đó của đời hắn. Mong chờ sự lễ độ tối thiểu của ông đối với thế giới riêng tư của người khác, nhất là của một kẻ chưa từng bao giờ chạm đến đời sống riêng tư của ông. Và câu hỏi cuối cùng tôi muốn hỏi ông : Tại sao ông thù hận tôi đến độ quá mức tưởng tượng như thế, đang khi đó tôi chưa từng bao giờ có ác cảm với ông ? Ông đang thực hiện một kế hoạch cho một thể lực chính trị nào đây ? Người tình y sẽ hiện ngay ông thuộc khối nào, phái nào, nhóm nào tập đoàn nào !

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 5 :

TRONG NỖI NHỚ ĐỜI

THƠ : NGUYỄN HOÀI VỌNG

MẪU BÌA VŨ PHAN TRẦN

TẬP CHÍ KHƠI DÒNG ẮN HÀNH

THẦU-KHOẢN KIẾN-TRÚC

HÙNG CƯỜNG

33, Triệu Âu

VŨNG TÀU

MỘT NGƯỜI NGÀN NĂM THƠ THÂN

TIẾP THEO TRANG 5

trường cũng như bằng hành động: bằng sáng tạo) một lối giải quyết riêng, một thái độ thật.

Hình thức đó lâu dần thành một công thức. Ở đây, nó thành một công thức cho mấy nhà văn hóa. «Uống rượu tiêu sầu» là một «công thức văn học Việt Nam» trong phần lớn sách Giảng Văn. Điều đó cũng dư biết từ lâu.

Nhưng Nguyễn Khắc Hiếu sống suốt đời mình bằng sự sáng tạo. Nguyễn Khắc Hiếu là Sáng Tạo. Bởi thế ông uống rượu là sáng tạo. Ông uống rượu là suy tưởng và hành động để thực hiện đời sống, xây dựng mình và thể hiện mình. Đó là cuộc vận động miên tục, cuộc sống ô ạt say mê của Nguyễn Khắc Hiếu.

Vậy áp dụng công thức đó cho Tân Đà là một việc rập khuôn quái dị. Vậy thì rượu không phải là một phương tiện để quên lãng và để trốn tránh Thực Tại—cũng như để quên lãng và trốn tránh mình—của Tân Đà. Do đấy Tân Đà cũng chẳng phải là thi sĩ của mộng.

Nói ông như vậy là nói mình. Nói ông là thi sĩ của Say Sưa (say sưa có hàm chút kiêu hãnh) là hơi bậy. Tân Đà uống rượu để sống cho tận cùng bản ngã mình, tận cùng đời sống mình, để về với Thực Tại và ôm lấy Thực Tại, lẫn lộn với nó, trong nó.

Khác với những người uống rượu để say sưa, để làm một kiểu thường thức hay truy lạc, Tân Đà uống rượu tựa như Lý Quí, tựa như Võ Tông, kiểu hào hán, kiểu anh hùng hào kiệt Lương Sơn Bạc. Việc đó cũng như việc Tân Đà làm báo rao giảng thuyết Thiên Lương vậy. Trước sau gì ông đều là hào kiệt của cuộc đời, dù thể xác yếu đuối và cuộc đời ngắn gọn.

Sức trong non yếu ngoài chen rấp
Một cây che bóng bốn năm chiều.

Nguyễn Khắc Hiếu cũng không có cái lối uống rượu để tiêu dao, để lấy tiền cốt gì hết. Ông đã bị người ta hiểu lầm khi người ta gọi ông là trích đèn. (Mình không phải là tiên, nghe người ta gọi mình là tiên, mình lại nhận bừa là tiên, là chịu để cho người ta chửi... tiên sư mình).

Tân Đà vốn là hào kiệt, ông uống rượu là hào kiệt cốt, có gì là lạ.

Chạy dài cỡi bắc non xanh
Thành Đông nước chảy quanh thành trắng phau.
Nước non này chỗ dựa nhau
Một xa muốn dặm, biết đâu cánh bằng!

Chia phôi khác cả mối lòng
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà.
Vây tay thôi đã rời xa,
Nhớ nhau tiếng ngửa nghe mà buồn tênh.

Nội những bài thơ dịch được tâm hồn của Tân Đà, tôi thấy bài này là nhất (3).

Tâm hồn ông là niềm nhớ tiếc bằng khuông của một kẻ xa nhà, xa quê hương, xa vợ con, những gần gũi bạn bè, đàn đúm nơi từ quán, những bạn bè tụ tập trong một mưu sự, những bạn bè ở Nam Kỳ. Ở một nơi nào, đâu đó mà ta không biết mặt nghe tên. Những bạn bè tan hợp như chim trên những vòng xê dịch hàng ngày. «Bạn bè xum họp vợ chồng biệt ly»...

Tôi thấy cái khí phách của Tân Đà ở chỗ đó. Ông ở trong gia đình, nhưng không sống trong đó. Ông ở trong quê hương, nhưng ông xa quê hương ấy.

Ở trong trí nhớ của tôi, Tân Đà phiêu lãng, nhưng thấp thoáng rất nhanh qua khung cửa sổ cổ định, qua một cái cổng sắt của một nhà ga mù mịt khói tàu và hơi nước, qua một tấm kiếng cửa xe ô

Cái khí cốt giang hồ của ông, cái khuôn mặt nở nang tươi cười của ông vô định như một đám mây trắng. Luôn luôn là một cuộc thử, tất cả là một cuộc thử liên tục:

Thử xem trời biển rộng bao nhiêu...

Kể từ độ giang hồ lạc phách...

Hăm đạn liêu tền, quyết mũi dao,

Ông sống trong những giờ phút như vậy. Luôn luôn như vậy.

Cái can trường của Tân Đà không phải ở trên «mũi dao» ở trên «ngọn tên», ở trong «hăm đạn» v.v... nhưng là ở trong việc vận động với thất bại. Cuộc vận động trường kỳ và trường chinh với mình. Làm đi làm lại, và làm đi làm lại nữa. Cuộc thử này, cuộc làm đi làm lại này chỉ bị ngắt giữa bằng một câu nói thoáng qua:

— «Hồng mắt ông q...» (4)

Nói xong, câu nói đã là một lưỡi dao ngọt như nước chém đứt cuộc thử trước ở đấy, Tân Đà lại bắt đầu một cuộc thử khác. Và cuộc thử này xong ông liền nói:

— «Hồng cả ông a!» (5)

Và lưỡi dao sắc như nước ấy lại cắt đứt một cuộc vận động thất bại để lại bắt đầu. Lần này ông bỗng nói:

— «Hồng mắt ngài ạ» (6)

Hồng, hồng và hồng, nhưng không vì thế mà cái di sản của Tân Đà ít đi. Cái di sản ấy ngày nay đây ở trên trời. Nó bay bổng bồng bềnh khắp nơi, nó thơ thần khắp nơi, nó tụ lại thành những trùng mây trắng nhẹ nhàng.

Và những đám mây trắng bồng bềnh ấy hôm nay nổi lên trôi lững lờ trong đầu tôi. Hôm nay tôi có những niềm vui nhẹ, hôm nay tôi có những nỗi buồn thoáng qua, hôm nay tôi thấy nhớ đến Tân Đà giang hồ hào kiệt của tôi. Niềm vui ấy, nỗi buồn ấy, Tân Đà ấy, lãng đãng như một con bạch hạc, một con hoàng hạc, vỗ đôi cánh bay xa, vút lên không, cao vút, cao vút, cao tít tắp rồi vỡ bung ra như một quả bóng mùa hè thành những đám mây nổi, là là trở lại trái đất buồn phiền của chúng ta. Nhưng thân xác con chim hiếm ấy đã đi mất:

Cát hạc bay lên vút tận trời:

Giờ đi từ đây, xa cách mãi,

Cửa động,

Đầu non

Đường lối cũ,

Ngàn năm thơ thần bóng giăng chơi

Nhân sắp tới ngày giỗ ông, ngày 20 tháng 4 âm lịch năm nay, tôi viết những dòng này để tưởng niệm ông, một người ngàn năm thơ thần, như mây trắng, như trăng trong, không bao giờ có thể khuất được nữa.

Tất cả, như câu thơ của ông dưới đây:

Bụi hồng trong thắm như ngày chưa xa.

Tân Đà luôn đứng ở đâu đó, trong cuộc đời đáng yêu này. Δ

Saigon 1962

(Trích VĂN NGHỆ số 13, tháng 3-1962)

(3) Bản dịch bài Tống Hữu Nhân của Lý Bạch: nguyên văn:

Thanh sơn hoành bắc quách,

Bạch thủy nhiễu đông thanh.

Thử địa nhất vi biệt,

Cố bằng vạn lý chinh.

Phù vân du tít y.

Lạc nhật cố nhân tình.

Huy thủ tự tư khứ,

Tiêu tiêu ban mã minh.

Trần Trọng Kim, Đường Thi trang 173, dịch như sau:

Chân ngang bắc quách non xanh,

Đông sông trắng xóa, đông thành chảy quanh

Bụi ngai chốn ấy đưa anh,

Mã đồng muốn dặm lênh đênh bến bờ.

Người đi theo bóng mây xa,

Bán khốn tình bạn, bóng tà khôn lưu,

Vây tay từ ấy xa nhau,

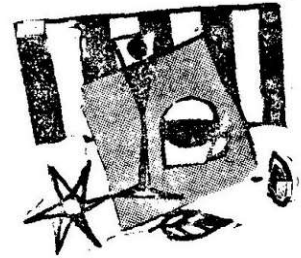
Tiếng kêu ban mã rầu rầu bên tai.

(4) trong bài «ông Tân Đà đi bàn việc đề tài bản An-nam lập chí» của Nguyễn Công Hoan sách kể trên.

(5) trong bài «Tân Đà ở Nam kỳ» của N-o đ-t-t.

(6) trong bài «Tân Đà từ điểm» của Nhai La.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VÂN
*
HOÀNG NGỌC LIÊN
*
PHỤ TRÁCH

Giới Thiệu Đặc San XUYỀN VIỆT của TĐ Đoàn 5 An ninh Thiết Lộ.

Sinh hoạt Văn Nghệ các Miền tuần này hân hạnh giới thiệu với bạn đọc Khởi Hành từ Đặc San Xuyến Việt của Tiểu Đoàn 5 An ninh Thiết lộ ph hành nhân mùa Phật Đản 2514.

Như lời đề trong đặc san, Xuyến Việt số 1 giai phẩm Mùa Hạ, cũng là số Kỷ niệm ngày Đ sanh Đức Phật lần thứ 2514, ấn hành 500 số để pi biến trong gia đình quân nhân Phật Tử tại đơn và các chiến hữu toàn quốc, do một nhóm qu nhân Phật Tử và ban Tâm lý chiến Tiểu Đoàn An Ninh Thiết lộ thực hiện.

I) — Ban chủ biên:

Chủ Nhiệm... Thiếu Tá PHẠM HỮU BÌNH

Chủ Bút... Đại Úy NGUYỄN VĂN TRỌNG TÌ

Ký tòa soạn: Trung Úy DƯƠNG ĐỨC VÂN.

Với sự cộng tác: Hải Triều — Nguyễn HỒ

SPT. Tiểu Lan — Thiếu Sơn — Mạc qu

Huyền — Song Vô — Đỗ Nguyễn — Hà thu Thủy

Hoàng lệ Hương — Hỷ Xã 51 — B.52 — Nguy

Hoài Dạ Vũ.

Trình Bày Ấn Loát: Đỗ văn Trục — Hoà

Bằng — Lê văn Bình.

II. — Hình thức:

Xuyến Việt in trên khổ giấy 21x27cm, bìa 5 mi chân dung đức Phật Từ báo ấn loát trên toàn gi trắng, dày 72 trang vẽ cả bìa. Những trang ruột cũng màu thay đổi từng trang và từng đề mục. Có tra báo in 4, 5 màu và hầu hết đều được minh họa là chưa kể đến những trang thơ đều in trên ni hoa, bươm hoặc phong cảnh rất mỹ thuật.

TIẾNG KÊU THẤT THANH, BỊ PHẢN

ĐẦY NƯỚC MẮT CỦA TOÀN «DÂN VIỆT»

TIN VIỆT

- Tuần báo trào phúng đúng nghĩa nhất
- Sâu sắc, tế nhị, cười buồn
- Đọc một số cười đau đau lại
- Gồm những «cây» viết phim, viết truyện trên các đại nhật báo và tuần báo:

KHA TRẦN ÁC (SÔNG, ĐỒI), SỨC MÁ (CH. LUẬN) VIP KK (HÒA BÌNH), ĐẠO CẢ NG. THUY LONG, TR. VƯƠNG DU, KIẾN PHONG, THẮNG HÈ, CÁT ANH (ĐỘC LẬP BÀI KHỎI (DÂN Ý), THỢ HOẠN, T.E (NẶNG THÉP)...

● NGÀY ĐÁP TUNG VỎ TRỨNG:

● 15-6-1970

● CHỦ NHIỆM — CHỦ BÚT: TÚ KÍ
<https://tieulun.hopto.org>

Chúng tôi nghĩ rằng những anh em phụ trách để hết tâm trí vào việc thực hiện tờ báo với rất nhiều thiện chí và cố gắng.

III.— Nội dung :

Xuyên Việt số 10 vì là số đặc biệt lễ Đản Sinh Đức Phật nên có dành một phần cho các bài về kỷ niệm ngày Đại Lễ.

Chúng tôi đọc Đêm Huyền Diệu của Nguyễn Hb. Bát Chánh Đạo là gì của X.V., kỷ niệm đức Bôn sư của P.D. Tâm Quy. Mừng Phật Đản của Tiểu Lan, Nén Hương Lòng của Ngọc Hiệp.

Ngoài ra, Xuyên Việt còn các phần Tim Hiểu, Sinh hoạt và sáng tác thường lệ.

Trong phần Tim hiểu có các bài Tim hiểu sự tổ chức Hòa xa thời Pháp của Trần Ngọc. Tim hiểu chùa Thiên Mục & Huệ của Dương Ngọc. ý nghĩa ngày lễ Vaisakha, bản dịch lời Ngai Tỳ Khưu Jinaratana.

Trong phần sáng tác có các truyện ngắn :

Muôn đời ghi nhớ của Đồng Nguyên.

Đêm Vàng của Đỗ Hoài Nguyên.

Cô Đơn của Anh Anh

Lời cho con mai sau của Hải Triều.

Thơ cũng chiếm khá nhiều trang báo trong phần sáng tác này.

Điệp khúc mùa hè của Văn Phong
Nỗi chết trong lòng quê hương của Hải Triều
Tình Lam của Tiểu Lan
Dung nhan mùa hạ của Nguyễn Hòa Dzạ Vũ
Lòng cao cả của M.T.L.
Thư tình mùa hạ của Hoàng Lệ Hương
Đêm dừng quán của Mạc Quan Huyền
Thời dừng của Hà Thy
và Nỗi niềm của Song Hồ.

IV.— Sáng tác :

TU TÌNH MÙA HẠ THƠ HOÀNG LỆ HƯƠNG

và từ đó em thiên đường bỏ ngõ
mắt hoang vu ngồi đếm hòa châu rơi
còn em trong lời ăn ái tuyệt vời
rồi tất cả chỉ còn là hư ảo !

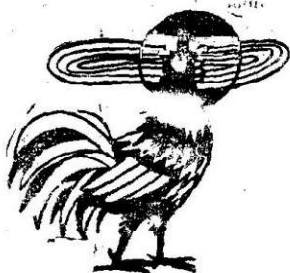
và từ đó anh trở về chiến trận
bỏ sau lưng thành phố những đêm say
bỏ tình yêu và chối bỏ tháng ngày
cho kỷ niệm hình thành trong nỗi nhớ

và từ đó tình yêu xa vời vợi
loài rong nào bám chặt nỗi buồn em
thăm gọi tên cho héo úa môi mềm
chính chiến mãi ! người yêu chưa trở lại !

ĐÊM DỪNG QUÁN MẠC QUAN HUYỀN

con tàu đó đưa ta về An Phú
buồn làm sao trời cứ mãi mưa rơi
những đợt sóng cuộn tròn như thác lũ
theo mạn tàu tung mang lục bình trôi
những sợi nước giăng đều trên mái tóc
lạnh vô cùng khi làn gió thoảng qua
tàu nhỏ neo đi, tàu rời Châu đốc
ta rừng mình nhìn khoảng cách thêm xa
tàu cập bến nơi xứ gầy An Phú
đất tro bùn đường ẩm ướt khằng khiêu
đêm xuống thấp soi vết trường loang lỗ
đèn hắt hiu không dấu về tiêu điều
suốt một ngày trên lộ trình gian khổ
đêm hôm nay đoàn lính lại dừng chân
nghỉ đôi phút để mơ về cố xứ
quê hương này máu lửa chảy muôn năm
rạng sáng mai đoàn lên đường tiếp tục
ba lô đầy ắp những hành trang
hành trang đó là tình yêu tổ quốc
là tình thương đất mẹ khổ vô vàn
súng nạp đạn cò sẵn sàng khai hỏa
diệt bạo tàn xây dựng lại quê hương
đoàn ta đi dù thân tàn gục ngã
đem bàn tay khóa lấp nỗi căm hờn... Δ

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đàn bà

QUA SÔNG ĐÁM VÀO SÔNG

Sau một cuộc tình một người đàn bà có một phản ứng khác nhau. Và ở mỗi quốc gia khác nhau phản ứng của người đàn bà còn mang dân tộc tính của quốc gia nữa. Dưới đây là phản ứng của một số phụ nữ Tây phương căn cứ theo một gã Sở Khanh quốc tế :

Đàn bà Ý : Từ giờ anh sẽ ghét em.

Đàn bà Tây Ban Nha : Em sẽ yêu anh mãi mãi.

Đàn bà Nga Xô : Thế xác em thuộc về anh, nhưng tâm hồn em của Đảng.

Đàn bà Đức : nghĩ một lát chúng mình đi uống bia, nha !

Đàn bà Thụy Điển : Xong việc rồi em về nhà em đây.

Đàn bà Pháp : Bây giờ anh đi may áo cho em chứ !

Đàn bà Mỹ : Bây giờ em mới có thì giờ hỏi tên anh là gì nhì.

CHÁU BIẾT RỒI

Cu Tý có lật xấu là hay cho ngón tay vào miệng mút, Má Tý rầy la nhiều lần nhưng Tý vẫn không bỏ được thói xấu đó. Mẹ Tý bèn dọa nó :

— Tý ! Nếu con không bỏ cái tật mút tay, lớn lên bụng con sẽ chướng lên rồi phải đi nhà thương mổ.

Tý sợ quá và từ đó bỏ được tật xấu.

Hơn tháng sau nhà Tý có tiệc. Má Tý mời rất khách sang trọng. Trong số này có một bà chưa khá lớn vận chiếc rổp xanh. Tý vừa trông thấy bà bèn reo lên và chỉ tay vào bụng bà khách :

— Bác ơi, trông cháu biết là bác hay làm gì rồi. Má cháu đã nói cho cháu biết tháng trước.

MƠI ĐÊM KIA

Một ông già tới phòng mạch bác sĩ. Ngập ngừng mãi ông mới nói :

— Xin bác sĩ khám hộ. Đây là một thứ suy nhược về sinh lý.

— Được cụ cứ kể đầu đuôi rõ ràng cho tôi nghe.

— Tôi nghĩ có lẽ bác sĩ cho tôi một vài thứ thuốc bổ hay sinh tố là được. Tôi thấy khi gần nhà tôi thì có vẻ mệt hơn trước kia.

Bác sĩ an ủi :

— Cái đó là thường. Năm nay cụ bao nhiêu tuổi ?

Ông già ngẫm nghĩ :

— Ờ, để tôi tính xem nhè. Tôi hơn bà nhà tôi hai tuổi, bà nhà tôi năm nay 79. Vậy thì tôi 81.

— Vậy lần đầu tiên cụ cảm thấy mệt nhọc sau khi gần cụ bà cách đây lâu chưa ?

— Mới đây thôi. Tôi cảm thấy mệt lần đầu tiên vào đêm hôm kia. Nhưng lúc năm giờ sáng gần bà nhà tôi không thấy sao cả nên tôi không nghĩ tới chuyện tới bác sĩ. Đến đêm qua lại thấy mệt thành hôm nay phải khám.

CÔ GÁI TRỜI BẮT XẤU

Một thiếu nữ xấu, thật xấu một hôm được một cô bạn thân tâm sự hỏi rằng :

— Mày có biết một người xấu như mày thì sau này sẽ có gì xảy đến cho mày không ?

— Không ? Cái gì sẽ xảy đến ?

— Chẳng có gì cả !

KHƠI ĐẦU

Một người đàn bà có một tú quần áo với không biết cơ man nào là quần áo sang trọng đắt tiền thường bao giờ cũng chỉ bắt đầu với một chiếc quần lót rất nhỏ.

KHÔNG PHẢI CHA ĐƯA BÉ

Một thiếu phụ đẹp nói với luật sư :

— Thưa luật sư, tôi muốn ly dị với chồng tôi.

— Sao vậy tôi thấy bà có vẻ hạnh phúc lắm mà !

Thiếu phụ đáp :

— Vâng hiện tại, tôi vẫn hạnh phúc nhưng tôi bắt đầu có cảm tưởng là nhà tôi phản bội tôi.

Luật sư hỏi :

— Bà có gì chứng minh là ông nhà phản bội bà không ?

— Tôi không có bằng chứng cụ thể nhưng tôi không tin rằng anh ấy là cha của cháu nhỏ mới sinh tháng trước.

NGUYỄN TUÂN

(tiếp theo trang 12)

thì tôi đã luôn nắm sáu bát. Tất cả đều reo lên. Thì ra gần đây chúng tôi hèn hắt đi, vì xa đất nước khẩu vị lạc điệu thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa.....

Đôi đoạn đề cho «Phở» giữ được «lập trường», đề phòng sợ bị Đảng chính, đánh giá xấu, Nguyễn Tuấn «bóc thòm» :

«..... cũng trong một quán phở nổi tiếng của Hà Nội, tôi đã được nghe một chuyện giữa hai nữ sinh một trường phổ thông cấp 3 gần đây : Phở hiệu này ăn mê quá. Thế đó chỉ biết Hồ chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không ? Làm thế nào mà biết được ? — Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào thì chủ hàng thì là sung sướng về bờ dầy chị nhí ! Hai cô mồm tái lầy gương con chiều lẫn vào hàm răng nhàu xem có vương tí hành, tí rau mùi nào không, cười riu riu như chim đàn nhảy quanh bàn phở. Một chuyện hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái có quan trọng hơn cả phở nữa....»



Cố kỹ gờ đề cho «cô lập trường», có bóc thòm Đảng và lãnh tụ, thế mà Tuấn bị NGƯỜI DỌN VƯỜN nện cho nào là «lạc điệu», «mất lập trường», «nhạt thề», «vấn chương lùn cùn», «khoe khoang, thiếu khiêm tốn» v.v.v.

Nguyễn Tuấn không nổi cơn đóm mắt sao được ?

còn tiếp

ĐỌC VÀO ĐẦU THÁNG 6-1970 :

NHÌN MẶT số 4

TẠP CHÍ — KHƠI DỰNG — VĂN HỌC — NGHỆ THUẬT MỚI

Chủ trương biên tập : ĐẶNG HÒA

Thư ký tòa soạn : TRẦN HOÀI THƯ

Tòa soạn : 42 TRẦN QUÝ CÁP — QUI NHƠN

Cùng sự góp mặt của : Trần Hoài Thư, Mười Mán, Ngụy Nết, Đặng Hòa, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Văn Chính, Từ Thế Mộng, Thế Vũ, Luân Hoàn, Nguyễn Âu Hồng, Tân Vy, Nguyễn Thị Thủy Mỹ, Lê Văn Ngàn, Phạm Năng Hóa, Trần Quý Phiệt, Trần Kim Vũ, Cao Mỹ Nhân, Lương Thái Sĩ, Phạm Thị Vọng Vng, Tô Đình Sự, Lê Văn Trung, 130 trang giá 70\$.

HAI mươi năm nay, thâm kịch lớn nhất của người lữ hành Việt Nam đi trên địa hình tờ quốc mình, không do nơi lữ một ga vui, huyệt một trạm hồng, hưởng tới một mùng, nẻo về khuất lấp. Mà thâm kịch trước hết nằm trong tâm thế. Có từ thái độ. Nỗi đau không ở đâu xa, cao. Mà thật thấp. Ngang tầm cổ bờ. Là là mặt đất. Chính nơi những bước chân ta trên những dặm đường ta. Gót đặt không đúng đường. Những bước tới lạc nhịp. Đường chống mặt cho chân thành lão đạo. Đường choáng vãng đầy chân vào lạc lõng. Đường gió bão gọi chân vào hoang mang. Một sớm, một chiều, những con đường đã tàn nhẫn hóa thân. Và người lữ hành không đuổi kịp những rõ chiều tàn nhẫn của thời thế, đã ngỡ ngàng thấy mình là một con người cũ đứng thường xuyên trước những lối mở mới lạ, chân chưa quen, bước chưa thuộc chưa từng.

HAI mươi năm nay, dân tộc ta thất đảm và liên hồi rượt đuổi một viễn ảnh hòa bình trước tầm mắt đã là như thế: những con người cũ đi bằng hoàng trên những con đường mới. Chúng ta đã đi. Máu đã chảy dưới những lòng chân đau đớn. Chúng ta đã đi, những bước đi đã là những vết thương. Người thiếu nữ Hà Nội, gót rất son hồng trong guốc cao, gõ nhịp vui trên mặt nhựa phố phường. Lửa thiên đô một đêm bùng cháy. Năm cửa ô tan tác. Và gót sen vàng hiền yếu chạy về đâu? đã một tình sương. Chân dài các đặt đôn đau trên một con đường sống trâu lầy lội. Những người mẹ chân một đôi quen với ngõ, vườn mình. Đất ở đó mềm, ngõ khuất khuất đậm đà bóng mát, chân êm êm từng buổi trưa hè. Làng bỗng cháy những cây xanh. Và chân tàn cư run rẩy trên cái lờm chớm sắc nhọn của một con đường giữa núi. Những bước chân chìm sẽ của em thơ, nhảy văng văng trên đường tuổi vàng, trên cỏ tinh nhân, với bướm bằng hữu. Thiên

đường đồ xập. Tuổi nhỏ tan nát. Và chân chim sẽ vương trong hăm vừa đảo, ngã vào hồ mọi dựng, một người cha bảy mươi vượt không nổi cái lối đi cheo leo ma ảnh rợn người của một cây cầu khi. Một người chị lần ngã cả trăm lần trên một quãng ngắn đường lầy. Trong kháng chiến, trong chiến tranh, dưới đêm không một vì sao, trong ngày chói nắng, qua từng cây số mồ hôi, hết từng ngã quanh nước mắt, từ Nam Định đêm ngày đi xuống Hải Phòng, từ Sơn Tây ngày đêm đi về Hà Nội, vượt tuyến mà đi, băng đồng mà tới, bước dài bước ngắn, bước được bước chẳng, đi chấp chớn đi thành chiêm bao, đi mê hoàng đi thành mộng dữ, dân tộc ta đã đi. Đã đi như thế. Trên những con đường Việt nam tưởng như không phải là quê hương. Bởi vì những con đường thật là của Việt nam, dưới bóng tre xanh, chạy giữa lúa vàng, đã chết.

TRONG nỗi bất hạnh lớn của dân tộc, chòm bất hạnh này nở thêm những chòm bất hạnh khác, những con đường vô hình ấy vẫn được những kẻ làm đường xử dụng những bàn tay lông lá của chúng tạo dựng không ngừng trong bóng đêm. Đời đường ở đây mang ý nghĩa một cửa tử. Kiếp đường ở đây mang khuôn mặt một lòng huyết. Người lữ hành lạc tới những tuyệt lộ này, là mất kim chỉ nam, là thời giờ hoang đạo. Lịch sử dân tộc ta, đếm làm sao hết những người lữ hành thơ ngày đã đi vào và đã mất tích trên những con đường ghê rợn ấy.

ĐẾN bao giờ đây, những con đường Việt nam khôi phục lại được những điều đáng và những hình thế cũ? Cho lá lợp mái. Cho cỏ xanh bờ. Cho cành mắc võng. Cho tre mứa ngang thân. Cho lúa hát quanh mình. Cho chân với đường là một giao thân, cho đường với chân là đi tới những dặm xanh, gặp lại những dặm hồng, bước sóng lượn chảy trên đường thịnh thạnh, chân hàn hoan trên lối hồng bát ngát? Trong kiến thiết vĩ đại của đất nước từ già từ vũ khí và chiến trường ngày tới, chúng ta đã hình dung được, ngay từ phút này, cái cảnh tượng tập nập vang động của hồi sinh và đứng dậy những đời đường. Những con đường hơi thở, những con đường mạch máu, những lối giữa núi, những ngã qua rừng, rồi phải được mở lại trên toàn khắp địa hình đất nước giải phóng. Khi đó ông ảnh nan hoa, xe lăn tập nập, bằng những cặp hải mồi đi vào kỷ nguyên mới, chúng ta sẽ gặp lại những con đường Việt Nam bên ngoài một tấm màn nhung. Bên ngoài một tấm màn nhung đã buông. Bởi thâm kịch của đường ở bên kia tấm màn khi đó chỉ còn là trí nhớ. Δ



MẠC ĐÌNH SƠN (NT).— Bạn nên tiếp tục theo dõi tin tức trên tờ tạp chí đó. Việc in thơ bây giờ khó khăn lắm, không thể giải quyết giúp bạn được.

CHÂU LONG 1).— NKC đã chấm dứt không nên gửi nữa. 2) Gửi bài cho KH không có thể lệ nào so với báo khác.

VÕ XUÂN PHƯƠNG (Sg).— NKC đã chấm dứt. Từ số sau mở lại mục Đoàn Văn Nhiều Người Viết, như bạn đề nghị. Độc giả của KH là lớp trẻ mới, đúng như bạn viết. Cảm ơn là thư góp ý kiến của bạn. Bạn nên gửi thêm thơ.

TRẦN DUY CANG (CT).— Là thư rất tốt, đủ sao anh đã trình bày rõ tâm trạng riêng — có thể là điển hình — những người làm văn nghệ xa thủ đô — mà KH thường nhận được thư. Riêng với KH không có

vấn đề văn nghệ tinh tế. Có những bạn có bài đăng nhiều lần, rất trang trọng, mà chúng tôi chưa hề gặp mặt lần nào. Hay thì đăng không thì bỏ, tuy rất tiếc. Nên coi việc đó như một khác biệt về thẩm mỹ, về nhận định. Vào quân trường, chúc khỏe mạnh, dễ chịu. Bản thảo có lời dặn trước hoặc kèm tem, đều được giữ lại.

TỪ HOÀI TẤN (KBC 4100).— Nhận được cả. Chúc mau thấy mặt Saigon.

VÕ TRÍ HUỆ (?) (Châu Đốc).— Tên và đ/c của bạn không đọc được, vì keo ở mấy con tem dính chặt, bóc ra rách hết. Sẽ gửi bạn 2 số KH 51,52, khi bạn vui lòng cho lại tên và đ/c.

NG GIA THỤY.— Bài bạn đang đọc. Lá thư chưa chất quá.

LÊ CUNG TƯỜNG (Tuy Hòa).— Đang đọc Đoàn Văn. Máy tháng rồi kệt NKC không trả lời dứt khoát 1 Đoàn Văn nào cả. Số sau bắt đầu có lại mục này, sẽ có kết quả.

BIÊN TRẦN LÃNG (Cao Lãnh).— Thơ hay, KH cầu có mà đăng. Đọc được thơ hay, vui cả ngày. Cảm ơn đã cho biết về tình hình KH.

TIẾT TÂM LINH (Kiên Tân).— Đã chuyển lời anh tới anh Kim Nhật. Thơ đang đọc.

BUI NGHI TRANG (Gò Công).— Có mời anh Vũ Khắc Khoan viết, mà chưa thấy anh cho bài. Chúc đi NT vui vẻ.

TRẦN HOÀI MINH (Ba X).— Đang đọc bài văn xuôi. Bồn báo chủ nhiệm gửi lời cảm tạ lá thư của bạn. KH vẫn chủ trương đưa lên những cây bút trẻ, nhiều người chưa tên tuổi gì.

KHÔNG ĐĂNG
Phạm th Ch — Lưu V — Ng
tống Nh — Thăng (QN) — Cung
Đ — Triều dâng Th — Định thành
Ng — Đào Túy H (Ngày xa dấu chân
em) — Lê đình LD — Võ như H —
Phạm QN — Phan quang Th — Phạm
đình CD — Thái D — Mặc D — Phan
Kim S — Lê Hoàng Ng — Cung
phé Ng.

ĐANG ĐỌC
Bùi đức Chính — Lê Cung
Tường (Khi về Pleiku — Hoàng Ca
Lời Ca 4 mùa) Thạch Nhân — Thế
Phương — Ng Tấn Cử — Hồ Ngọc
Ngữ — Vương Phù Du — Ng. L.
Phan — Vũ Tâm Hoàng — Định

Thành Nguyên — Hà Thúc Sinh —
Hoàng Thảo Nguyễn — Trịnh
Phối P.

NHÂN TIN
TRẦN HOÀI THU.— Đã nhận
được bài đó. Thân.

NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG.
— Đã nhận được. Văn tính viết thư
riêng cho anh đây.

NGUYỄN BẮC SƠN (P.T).—
Nên gửi thêm Thơ, như loạt đầu.

TRẦN VĂN NAM (Sa Đéc).—
Anh Nguyễn Quốc Trụ, phụ trách
trang Văn Học Nghệ Thuật báo Tiền
Tuyến, muốn viết thư riêng cho anh
Kỳ rồi có bài «Đẹp, Thật và phê bình
ơ cầu» của anh đăng trên đó (chủ
Nhật 2415-70). Anh có thể viết cho
một bài về Nhất Linh (chết 7-7-2)

NGUYỄN HỮU NGHĨA.—
Nhạc sĩ có thư riêng ở Tòa Soạn đây.
Đến sau 11 giờ trưa mà kấy. Và gặp
nói chuyện chơi.

TÔ ĐÌNH SỰ (P.R).— Đã nhận.
Có bài Lâm Chương nữa thì tốt.

**NGUYỄN VĂN THANH (Hiệu
Trường Trung Học Bám Công Đà
Lạt).**— Lâu không có tin tức gì của
anh, hy vọng anh vẫn bình thường?

HUYỀN HỮU ÚY.— Có thơ
NKS ở tòa soạn.